



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

9

Tháng 5 - 2012

Đảng bộ Bộ Xây dựng triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ IV BCHTW (khóa XI)

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2012



Toàn cảnh Hội nghị quán triệt thực hiện Nghị quyết TW4 khóa XI



Thứ trưởng Cao Lại Quang trao Cờ của Đảng ủy khối các Cơ quan Trung ương cho Chi bộ Trung tâm Thông tin và Chi bộ Cục Quản lý nhà & thị trường BĐS

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

9

SỐ 9-5/2012

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 423/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 5
phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -
xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020
- Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 6
phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020
- Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc 8
tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế
sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung
- Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng 9
cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện quy
hoạch sân golf theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày
26/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ
- Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và 10
Môi trường về Quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng
bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 11
dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung cụ
thể về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh
Lào Cai
- Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân 13
dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về hỗ trợ thực
hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh
Tiền Giang



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo “Sáng chế công nghệ sàn nhẹ và các giải pháp tiết kiệm chi phí xây dựng” 15
- Hội thảo Việt Nam - Hàn Quốc: “Nhu cầu và cơ hội đầu tư phát triển lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường” 16
- Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 4/2012 18
- Sản xuất gạch ngói nung bằng công nghệ bán dẻo 19
- Những sáng tạo trong thiết kế các cơ sở giáo dục ở Mỹ 21
- Thành phố Hàng Châu, Trung Quốc kiên trì con đường xanh hóa đô thị 24
- Các phụ gia làm tăng tuổi thọ của bê tông 28

Thông tin

- Đảng bộ Bộ Xây dựng triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 BCH TW Đảng (khóa XI) 32
- Hội đồng Nghiệm thu Nhà nước họp nghiệm thu chất lượng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đối với công trình thủy điện ĐắkRTih 33
- Tổng Công ty Vigacera khởi công Dự án nhà ở công nhân giai đoạn II và khánh thành Trung tâm Thể thao và Dịch vụ công cộng tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn và Dịch vụ công cộng tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn 34
- Hội nghị triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung 36
- Phòng ngừa rủi ro trong các dự án tổng thầu EPC 38
- Các phương án phát triển cho thủ đô Mátxcova mở rộng 42
- Một số nguyên tắc về quản lý và giám sát hiện trường thi công xây dựng 44

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 423/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020

Ngày 11/4/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 423/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020. Với mục tiêu xây dựng Sóc Trăng trở thành một tỉnh có nền nông nghiệp công nghiệp cao phát triển bền vững gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; từng bước tiến kịp với quá trình phát triển chung của cả nước; có nền quốc phòng - an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Phấn đấu đến năm 2020, Sóc Trăng trở thành tỉnh có thu nhập vào loại khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch các ngành, lĩnh vực. Đồng thời phát huy nội lực kết hợp với việc tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cân đối, hài hòa giữa chiều sâu và chiều rộng, tạo sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước; sớm đưa tỉnh Sóc Trăng tiến kịp nhịp độ phát triển chung của cả nước. Khai thác lợi thế về biển để phát triển mạnh kinh tế ven biển và kinh tế biển làm động lực chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đổi mới về chính sách quản lý, cải cách hành chính, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng tạo điều kiện thu hút đầu tư nhất là các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây

dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa những ảnh hưởng, tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Toàn tỉnh phấn đấu đến năm 2015 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12,5 - 13%/năm, GDP bình quân đầu người đạt 1800 USD, tỷ trọng các ngành nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng, dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 39,6% - 25,1% - 35,3%, kim ngạch xuất khẩu đạt 550 triệu USD. Đến năm 2020 mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,5 - 12%/năm, GDP bình quân đầu người đạt 3300 USD, tỷ trọng các ngành nông nghiệp - công nghiệp - xây dựng - dịch vụ trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 28% - 34,2% - 37,8%, kim ngạch xuất khẩu đạt 900 triệu USD, dự tính thu ngân sách nhà nước tăng bình quân trên 10%/năm.

Định hướng phát triển ngành công nghiệp theo hướng tạo điều kiện thu hút đầu tư cho các ngành kinh tế có lợi thế phát triển ổn định và bền vững; chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Phấn đấu tăng trưởng bình quân đạt 18,5 - 19%/năm. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ đạo như: Công nghiệp chế biến, thủy sản; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu; công nghiệp cơ khí sản xuất thiết bị, phụ tùng, lắp ráp máy nông nghiệp; máy chế biến nhỏ, sản xuất động cơ phương tiện vận tải thủy; công nghiệp khai thác sản xuất vật liệu xây

dụng. Tập trung phát triển nhanh, hiệu quả các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt, gắn liền với xây dựng các công trình xử lý chất thải, trồng cây xanh, bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp; đồng thời phát triển đồng bộ các dịch vụ, đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho người lao động nhất là nhà ở cho công nhân. Phấn đấu đến năm 2020, tổng diện tích các khu công nghiệp khoảng 1.114 ha.

Định hướng xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, cảng theo sự phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu xây dựng các tuyến đường, gắn kết giao thông đường biển với đường bộ tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, củng cố và nâng cấp hệ thống đê, kè, các tuyến đê bao theo 7 vùng thủy lợi trong tỉnh. Đối với hệ thống cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường thì từng bước đầu tư xây dựng các hệ thống cấp nước đáp ứng nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất tại khu vực đô thị và vùng phụ cận; xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất tại các đô thị, các khu công nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất, dịch vụ đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài.

Trong nội dung Quy hoạch cũng đưa ra phương hướng phát triển hệ thống đô thị theo

các tiểu vùng nhằm phát huy vai trò hạt nhân thúc đẩy phát triển công nghiệp, dịch vụ của các đô thị; trước mắt, phát triển các đô thị trung tâm các tiểu vùng gồm thành phố Sóc Trăng, thị xã Vĩnh Châu, thị xã Ngã Năm. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt 28%, toàn tỉnh có 01 thành phố, 02 thị xã và 19 thị trấn, thị tứ. Xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, phấn đấu số xã đạt tiêu chí nông thôn mới chiếm từ 20% trở lên vào năm 2015 và 60% vào năm 2020.

Nhu cầu vốn đầu tư của toàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 216.300 tỷ đồng, trong đó thời kỳ đến năm 2015 khoảng 67.800 nghìn tỷ đồng, thời kỳ 2016 – 2020 là 148.500 tỷ đồng. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, dự án trọng điểm của địa phương, đồng thời, cần có các giải pháp cụ thể để huy động có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020

Ngày 18/4/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2020. Với mục tiêu là xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính – tiền tệ, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng; cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện;

đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý, giám sát tài chính.

Các nhiệm vụ cụ thể được đưa ra trong Chiến lược gồm: Tiếp tục xử lý tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa tiết kiệm và đầu tư, có chính sách khuyến khích tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, hướng dẫn tiêu dùng; Thu hút hợp lý các nguồn lực xã hội để tập trung đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo tiền đề đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng; Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn

lực tài chính công, đặc biệt nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước và thực hiện tái cấu trúc đầu tư công, tăng cường đầu tư phát triển con người; Cải cách cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công, tài chính doanh nghiệp nhà nước; Cải cách tiền lương; Củng cố hệ thống an sinh xã hội.

Trong Chiến lược này cũng đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả và phát triển tài chính quốc gia. Đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về tài chính phù hợp với quá trình hoàn thiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thu hút nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển, chú trọng đến quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, đánh giá tác động của chính sách tài chính và tăng cường công tác pháp chế.

Mở rộng khai thác các nguồn thu từ đất đai và tài nguyên, đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế và các lợi ích về xã hội, môi trường; coi đây là nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh triển khai sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước; thực hiện bán, chuyển nhượng hoặc chuyển mục đích sử dụng đối với số nhà, đất dôi dư phù hợp với quy hoạch sử dụng đất để tạo nguồn tài chính đầu tư cơ sở hạ tầng.

Sửa đổi, bổ sung chính sách thu từ đất phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung Luật đất đai theo hướng đảm bảo thu theo mục đích sử dụng và theo sát giá thị trường, góp phần hình thành thị trường bất động sản có tổ chức, quản lý hiệu quả; đồng thời mở rộng việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá để tăng nguồn thu từ đất đai, sử dụng đất có hiệu quả.

Nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt là đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng gắn với thu hút sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân. Từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng giảm

dẫn tỷ trọng đầu tư công, kể cả chi đầu tư từ ngân sách nhà nước và ưu tiên tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật thiết yếu. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng phát triển kinh tế xanh, đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ.

Đảm bảo hiệu quả đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá các dự án đầu tư và thực hiện công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Công khai các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Sửa đổi quy định về phân cấp đầu tư theo hướng đảm bảo nguyên tắc chỉ quyết định đầu tư khi dự án có đủ thủ tục theo quy định, xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn ở từng cấp ngân sách.

Bên cạnh đó các cơ quan, ban ngành có liên quan cũng cần nghiên cứu sửa đổi Luật ngân sách nhà nước đảm bảo tập trung thống nhất vai trò chủ đạo và điều phối của ngân sách trung ương; từng bước xóa bỏ tính lồng ghép của hệ thống ngân sách nhà nước; tăng quyền hạn và trách nhiệm trong công tác quản lý ngân sách ở các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cùng với việc tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, tăng cường kiểm tra, giám sát.

Tập trung phát triển doanh nghiệp nhà nước trong những ngành, lĩnh vực quan trọng có ý nghĩa then chốt của nền kinh tế, đảm bảo cân đối lớn, ổn định vĩ mô, an ninh quốc phòng và trên một số địa bàn quan trọng. Xây dựng các tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh về tiềm lực tài chính, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh và làm tốt vai trò công cụ điều tiết vĩ mô. Nhà nước chỉ đầu tư vốn vào các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong những lĩnh vực, ngành nghề then chốt sau khi cơ cấu lại. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước

chỉ tập trung vào những ngành nghề kinh doanh chính; thực hiện có kết quả việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần chi phối và thoái vốn đã đầu tư vào các hoạt động ngoài ngành kinh doanh chính. Thiết lập và tăng cường kiểm tra, giám sát về tài chính đối với các tập đoàn, tổng công

ty nhà nước; thực hiện nghiêm túc việc kiểm toán bắt buộc đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung

Ngày 16/4/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung. Trong những năm qua, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo phát triển vật liệu xây không nung (VLXKN) để từng bước thay thế gạch đất sét nung, hạn chế sử dụng đất sét và than – nguồn tài nguyên không tái tạo, góp phần bảo vệ an ninh lương thực, tiết kiệm năng lượng và giảm lượng khí thải CO₂. Ngoài ra, việc sử dụng phế thải của các ngành công nghiệp như tro, xỉ, mạt đá... để sản xuất VLXKN cũng góp phần giảm một lượng đáng kể các chất thải rắn ra môi trường.

Tại Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình phát triển VLXKN đến năm 2020. Chương trình phát triển VLXKN đã được phổ biến rộng rãi và được các cấp, các ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng hưởng ứng tích cực. Lãnh đạo các cấp chính quyền, doanh nghiệp và người dân bước đầu đã làm quen với VLXKN; nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong sản xuất và sử dụng vật liệu xây.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều bất cập trong việc quản lý đầu tư, sản xuất, đặc biệt là việc sử dụng VLXKN thay thế gạch đất sét nung. Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ cho việc đầu tư phát triển và sử dụng VLXKN

chậm được ban hành. Tình hình sản xuất và tiêu thụ gạch đất sét nung bằng lò thủ công vẫn diễn ra phổ biến (chiếm 35 – 40% sản lượng gạch đất sét nung). Vì vậy việc tiêu thụ VLXKN, đặc biệt là gạch bê tông nhẹ gặp nhiều khó khăn. Những lợi ích của việc sản xuất và sử dụng VLXKN không được phát huy và không khuyến khích được đầu tư phát triển VLXKN.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình phát triển VLXKN, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chính sách của Chính phủ thuộc phạm vi quản lý của từng Bộ, ngành, địa phương, nhằm khuyến khích sản xuất và ưu tiên sử dụng VLXKN, kể cả các sản phẩm tấm tường thạch cao và tấm 3D. Hạn chế sản xuất và sử dụng gạch đất sét nung, tiếp tục xây dựng lộ trình phù hợp với từng địa phương để sớm chất dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cái tiền, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí).

Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách đồng bộ nhằm tăng cường sử dụng VLXKN theo hướng: Các công trình sử dụng vốn nhà nước bắt buộc phải sử dụng VLXKN; Các công trình nhà cao tầng không phân biệt nguồn vốn, ưu tiên sử dụng VLXKN, đặc biệt là

VLXKN loại nhẹ tối thiểu phải đạt 30% trong tổng số vật liệu xây; Khi phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, các chủ đầu tư phải chú ý việc ưu tiên sử dụng VLXKN.

Đồng thời, Bộ Xây dựng cũng cần phải tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng theo Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Tăng cường chỉ đạo việc nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất gạch không nung; Chủ trì, phối hợp với các địa phương tiếp tục xây dựng lộ trình giảm dần việc sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung và chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch phù

hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, đặc biệt là các lò gạch gần khu đô thị, khu dân cư; Lập quy hoạch phát triển sản xuất với quy mô công nghiệp trên phạm vi toàn quốc, đáp ứng yêu cầu với sản xuất VLXKN và nhu cầu thị trường; Chỉ đạo, phối hợp với các hội, hiệp hội nghề nghiệp, cơ quan truyền thông để tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về các tính năng ưu việt, hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường... khi sử dụng VLXKN, đặc biệt là gạch bê tông nhẹ; Tổng hợp đề xuất định hướng chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình phát triển VLXKN đến năm 2020.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch sân golf theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 26/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 18/4/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị số 11/CT-TTg về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch sân golf theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Khi Quyết định số 1946/QĐ-TTg được ban hành, các Bộ, ngành, địa phương đã phối hợp và cơ bản thực hiện tốt việc quản lý, giám sát xây dựng sân golf, tuân thủ quy hoạch, không sử dụng đất lúa, đất màu, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, đất khu công nghiệp để đầu tư xây dựng sân golf. Sau hơn hai năm thực hiện quy hoạch đã có 29 sân golf đưa vào khai thác, sử dụng trong số 90 sân golf nằm trong quy hoạch được duyệt, các sân golf đang hoạt động đã góp phần vào việc thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương theo hướng tăng dịch vụ, thu hút khách du lịch, tạo việc làm và tăng thu ngân sách nhà nước, bảo đảm phát triển hiệu quả và bền vững.

Bên cạnh những mặt tích cực, việc thực hiện quy hoạch sân golf đã được phê duyệt còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém; một số địa phương chưa thực hiện đầy đủ quy định tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; hiện tượng đầu tư không thật đúng với quy hoạch, chậm tiến độ, làm cho dư luận, nhất là nhân dân địa phương có sân golf chưa thực sự yên tâm.

Công tác kiểm tra, giám sát của các Bộ, ngành, địa phương chưa thường xuyên, toàn diện, chặt chẽ nên đã không kịp thời phát hiện và xử lý những vướng mắc phát sinh từ tình hình thực tế tại các địa phương; chưa tạo được sự đồng thuận của cộng đồng dân cư về xây dựng các dự án sân golf. Việc làm cho người lao động tại các địa phương chuyển đổi đất sang làm sân golf chưa đạt được kết quả như mong đợi. Các Bộ, ngành chức năng chậm ban hành và hướng dẫn các quy định về xây dựng sân golf, làm cho

các địa phương gặp khó khăn trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

Nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên, đảm bảo việc đầu tư xây dựng sân golf phải tuân thủ đúng quy hoạch được duyệt, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quán triệt và thực hiện các nhiệm vụ sau:

Xây dựng sân golf phải tuân thủ theo đúng quy định tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 26/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sân golf; nâng cao vai trò, trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương và địa phương trong kiểm tra, thẩm định, cấp phép, bảo đảm thực hiện đúng quy hoạch và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, điều kiện hình thành dự án sân golf.

Những dự án sân golf đã có trong quy hoạch nhưng không triển khai thực hiện hoặc chuyển sang địa điểm khác thì UBND cấp tỉnh phải có báo cáo gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng

hợp, trình Thủ tướng Chính phủ đưa ra khỏi quy hoạch hoặc điều chuyển địa điểm; Còn đối với các dự án sân golf đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trước thời điểm ban hành Quyết định số 1946/QĐ-TTg, nếu đủ điều kiện và tuân thủ theo đúng các quy định của Chỉ thị này thì UBND cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị bổ sung vào quy hoạch, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trình Thủ tướng Chính phủ; Đối với các dự án mới, các địa phương phải tính toán kỹ về sự cần thiết, hiệu quả đầu tư và căn cứ quy định về tiêu chí, điều kiện hình thành tại Quyết định số 1946/QĐ-TTg và các yêu cầu tại Chỉ thị này, lập hồ sơ đề nghị bổ sung vào quy hoạch, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thực hiện quy hoạch sân golf đến năm 2020.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi

Ngày 12/4/2012 Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT Quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi.

Theo Quy định này Phương án sử dụng đất vùng bán ngập phải đảm bảo mục đích chính là thủy điện, thủy lợi, kết hợp với mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp được quy định tại Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10

năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi, gồm: phát triển rừng, trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản theo mùa vụ. Phương án sử dụng đất vùng bán ngập phải khoanh định được diện tích đất sử dụng vào từng mục đích: phát triển rừng, trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản theo mùa vụ do UBND cấp xã nơi có đất vùng bán ngập chủ trì, phối hợp với Chủ đập xây dựng, trình UBND cấp huyện xét duyệt.

Việc giao khoán đất vùng bán ngập thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có

đất vùng bán ngập. Đối tượng nhận khoán đất vùng bán ngập là các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (sau đây gọi là bên nhận khoán). Diện tích đất vùng bán ngập được giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp đang cư trú hợp pháp trên địa bàn xã, phường, thị trấn có đất vùng bán ngập, trong đó ưu tiên hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất sản xuất nông, lâm nghiệp sử dụng vào mục đích thủy điện, thủy lợi; trường hợp không có hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán mới xem xét giao khoán cho tổ chức. Đơn giá giao khoán đất vùng bán ngập do UBND cấp huyện quy định trên cơ sở giá đất nông nghiệp của địa phương. Tiền giao khoán đất vùng bán ngập được quản lý, sử dụng như tiền thu được từ việc cho thuê đất thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.

Hình thức giao khoán đất vùng bán ngập được quy định như sau: Giao khoán theo các mùa vụ đối với đất trồng cây hàng năm với tổng thời gian là 05 năm. Giao khoán ổn định theo chu kỳ cây trồng hoặc chu kỳ kinh doanh đối với đất trồng cây lâu năm hoặc rừng trồng với tổng

thời gian tối đa là 50 năm. Giao khoán theo vụ hoặc theo năm đối với đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản với tổng thời gian là 05 năm.

Việc sử dụng đất vùng bán ngập theo phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền xét duyệt bảo đảm không ảnh hưởng đến mục đích chính là thủy điện, thủy lợi; tuân thủ các quy định về kỹ thuật của ngành, lĩnh vực liên quan và các quy định về bảo vệ cảnh quan, môi trường; không làm ảnh hưởng đến các đặc trưng kỹ thuật của hồ chứa, không làm cản trở đến dòng chảy đến hồ.

Việc sử dụng đất vùng bán ngập phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 và các khoản 4, 5 Điều 8 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/5/2012.

(Xem toàn văn tại: www.nea.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung cụ thể về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Ngày 23/4/2012 UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND Quy định một số nội dung cụ thể về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Quy định này quy định về một số nội dung quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị gồm: Tổ chức thi công xây dựng, quản lý vận hành, khai thác, bảo trì và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật tại thành phố thuộc tỉnh, các thị trấn và các trung tâm huyện lỵ, thị tứ, trung tâm cụm xã, trung tâm xã

đã có quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Quy định này áp dụng cho các đối tượng là: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang hoạt động có liên quan đến việc thi công xây dựng, quản lý vận hành, khai thác, bảo trì và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật tại thành phố Lào Cai, thị trấn và các trung tâm huyện lỵ, thị tứ, trung tâm cụm xã, trung tâm xã đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên

địa bàn tỉnh Lào Cai.

Theo Quy định này các cơ quan, ban ngành có liên quan sẽ thực hiện quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật với nội dung: Cấp và thu hồi các loại giấy phép xây dựng công trình đường đô thị, cấp điện, cấp nước, viễn thông, công viên cây xanh, nghĩa trang và công trình ngầm; Giấy cam kết đào đường, hè phố thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên đường đô thị đang sử dụng; Giấy cam kết sử dụng tạm hè phố và lòng đường; Giấy phép đốn hạ, di dời cây xanh; Tổ chức chi công xây dựng; Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Bảo vệ hành lang an toàn và bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Vận hành, khai thác và cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Về thi công xây dựng công trình, yêu cầu các chủ đầu tư trước khi thi công phải có Giấy phép xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình theo quy định của pháp luật. Các nhà thầu xây dựng phải tiến hành thăm dò, xác định hiện trạng các công trình ngầm hiện có trong khu vực xây dựng để có biện pháp xử lý phù hợp, lập biện pháp tổ chức thi công xây dựng công trình. Trong quá trình thi công xây dựng công trình phải bảo đảm an toàn, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đô thị, các công trình lân cận và bên trên; có các biện pháp nhằm bảo đảm vệ sinh môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nước ngầm và môi trường địa chất đô thị. Đối với những công việc thi công mà phải đào nên đường và hè phố thì chủ đầu tư dự án và nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả mặt nền đường, hè phố như hiện trạng ban đầu.

Thi công xây dựng công trình phải có kế hoạch khắc phục các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thi công như: Gặp tầng đất yếu, tầng chứa nước, khí độc, cháy nổ, sạt lở, trôi đất, bục đất nhằm bảo đảm an toàn cho người, phương tiện thi công và cho công trình. Đồng thời phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, trình tự công việc và có chế độ thường xuyên kiểm tra điều

kiện bảo đảm an toàn khi thi công, kiểm soát chặt chẽ người vào, ra công trình trong suốt quá trình thi công. Khi gặp các sự cố bất thường nhà thầu xây dựng phải có trách nhiệm thông báo cho chủ đầu tư và các bên liên quan để có biện pháp xử lý phù hợp. Yêu cầu các công trình đang thi công phải có biển báo rào chắn đảm bảo an toàn trước và trong khi thi công.

Trong khi chưa thi công hoặc trong quá trình thi công: Cấm việc tập kết vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, máy móc, xe máy chuyên dùng tại công trường khi chưa cần đến; Cấm để vật liệu rời như cát, đá, xi măng, gạch... rơi vãi trên đường mặt; Phải dự trữ tập kết vật tư, vật liệu đủ sử dụng theo tiến độ thi công, khi vật liệu còn thừa phải vận chuyển đi nơi khác để trả lại sự thông thoáng cho đường. Đơn vị thi công không được trộn vữa hồ, bê tông xi măng trong phạm vi mặt đường; được trộn vữa trên hè, lề đường bắt buộc phải có tấm lót hoặc thùng trộn. Sau khi trộn vữa bê tông xong 10 phút phải tiến hành vệ sinh, tẩy rửa mặt, lề, hè đường phố. Nghiêm cấm để vật liệu lỏng như nhựa đường, bê tông, v.v... chảy hoặc văng ra mặt đường gây mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường.

Về quản lý hệ thống thoát nước, cửa thu nước, các điểm đầu nối, các tuyến công thu gom dẫn nước khu vực, các kênh mương thoát nước truyền đến trạm xử lý, các van ngăn triều ra nguồn tiếp nhận, các đơn vị có liên quan lập kế hoạch nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, kiểm tra bảo dưỡng nắp hố ga, điểm đầu nối, cửa thu nước độ kín lắng cận. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng tuyến cống, công trình trên mạng lưới, đề xuất phương án thay thế hoặc sửa chữa. Đơn vị quản lý thoát nước phải thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước đảm bảo yêu cầu kỹ thuật quản lý vận hành và đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

Về quản lý chất thải rắn thông thường hướng tới xem chất thải như một nguồn tài nguyên và không làm ảnh hưởng tới môi trường xung

quanh, khuyến khích tái chế chất thải và thực hiện các biện pháp nhằm từng bước giảm các hoạt động tạo ra chất thải. Hoạt động quản lý chất thải rắn thông thường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường do vi phạm các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, khai thác kinh doanh công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo các hình thức đầu tư thích hợp. Nhà nước tạo điều kiện sử dụng các nguồn tài chính ưu đãi; được hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.laocai.gov.vn)

Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về hỗ trợ thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Ngày 16/4/2012 UBND tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND Quy định về hỗ trợ thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Theo Quy định này, đối tượng được nhận hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang trong các lĩnh vực: sản xuất công nghiệp; Chiếu sáng công cộng; Giao thông vận tải; Sản xuất nông nghiệp; Hoạt động dịch vụ và hộ kinh doanh cá thể; Cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Các tòa nhà.

Hỗ trợ thực hiện các giải pháp kỹ thuật có lắp đặt thiết bị chiếu sáng như: đèn huỳnh quang T10 tăng phô sắt từ thay bằng đèn huỳnh quang T5, T8 tăng phô điện tử; thay thế đèn sợi đốt bằng đèn compact, đèn Led; Đầu tư hệ thống đèn sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng từ khí sinh học, năng lượng gió và năng lượng tái tạo khác. Còn đối với hệ thống nhiệt và lạnh thì: thu hồi nhiệt thải, hơi nước nhiệt độ cao để cấp cho quá trình cháy, sấy nhiên liệu, làm nóng nước cấp lò hơi; sử dụng vật liệu cách nhiệt các đường ống dẫn nước nóng, hơi nóng nhiệt độ cao; Sử dụng vật liệu

cách nhiệt cho đường ống dẫn gas lạnh. Đầu tư thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo. Cải tiến công nghệ nhằm đạt hiệu suất năng lượng cao, năng lượng sạch.

Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng (gọi tắt là kinh phí sự nghiệp sử dụng năng lượng) là nguồn tài chính của Nhà nước được hình thành từ các nguồn: Dự toán ngân sách được bố trí hàng năm; Nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả hỗ trợ; Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ; Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

Theo Quy định này mức hỗ trợ thực hiện các giải pháp đặc thù như sau: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí kiểm toán năng lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp (tòa nhà); Hỗ trợ tối đa 30% chi phí cần thiết để xây dựng hệ thống quản lý năng lượng nhưng không quá 70 triệu đồng/doanh nghiệp (tòa nhà); Hỗ trợ tối đa 30% chi phí dán nhãn sản phẩm sử dụng tiết kiệm năng lượng nhưng không quá 60 triệu đồng/doanh nghiệp.

Các đối tượng được hỗ trợ có trách nhiệm

quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí theo đúng nội dung hỗ trợ và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan liên quan được quy định trong Quy định này. Nếu đã được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung công việc hoặc sử dụng sai mục đích, hoặc vi phạm chế độ tài chính hiện hành thì phải trả lại phần kinh phí hoặc phần lãi suất đã được hỗ

trợ; đồng thời phải trả lãi cho Nhà nước theo lãi suất ngân hàng phần kinh phí đã nhận, nếu không trả lại kinh phí đã hỗ trợ và tiền lãi sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.tiengiang.gov.vn)

Hội thảo “Sáng chế công nghệ sàn nhẹ và các giải pháp tiết kiệm chi phí xây dựng”

Ngày 4/5/2012, tại Hà Nội, Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng đã phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng ACH tổ chức Hội thảo “Sáng chế công nghệ sàn nhẹ và các giải pháp tiết kiệm chi phí xây dựng”. Tham dự hội thảo TS. Lương Đức Long - Viện trưởng Viện VLXD, TS. Nguyễn Xuân Hoàng - Giám đốc Công ty ACH và đại diện các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, các chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công...

Phát biểu khai mạc hội thảo, TS. Lương Đức Long cho biết, theo số liệu thống kê, tổng sản lượng của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng chiếm 45% GDP cả nước, dự kiến tới năm 2020 con số này ước đạt 51%. Như vậy có thể thấy để thực hiện mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020, chúng ta cần quan tâm đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, cả về số lượng và chất lượng. Do đó, việc giảm chi phí vật liệu xây dựng và chi phí xây dựng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển đất nước.

Tại Hội thảo, TS. Nguyễn Xuân Hoàng đã trình bày tham luận giới thiệu về sáng chế công nghệ sàn nhẹ. Theo đó, so với loại sàn dầm chính và dầm phụ đang được sử dụng phổ biến hiện nay, thì sàn ô cờ nhẹ hơn 20% do lượng sử dụng bê tông thấp hơn, lượng cốt thép của sàn ô cờ ít hơn 16%. Ngoài ra, sàn ô cờ còn có những ưu điểm khác như chống rung tốt, vượt nhịp lớn hơn, có thể dễ dàng bố trí các thiết bị cơ điện trong các ô rỗng, khả năng tiêu âm tốt, hệ trần đẹp, giảm chiều cao tầng, giảm kích thước cột nhờ đó tăng diện tích hữu ích của sàn, khả năng kháng chấn tốt, dễ kiểm tra chất lượng thi công bằng mắt thường... Do đó, sàn ô cờ được ứng dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng nhà ở, bệnh viện, trường học, nhà đỗ xe, sân bay, nhà công nghiệp, văn phòng, hội trường, ga tàu điện, cầu... Ngoài việc giới thiệu sàn nhẹ,



TS. Lương Đức Long - Viện trưởng Viện VLXD phát biểu khai mạc Hội thảo

sàn ô cờ, Công ty ACH còn đề xuất công nghệ thi công sàn nhẹ bán lắp ghép bao gồm: chế tạo cấu kiện đúc sẵn, lắp đặt cấu kiện, đặt cốt thép dầm chính, dầm phụ, đổ bê tông dầm chính, dầm phụ. Công nghệ mới thi công sàn nhẹ giúp thi công nhanh, chi phí xây dựng giảm do cấu kiện bê tông được chế tạo dễ dàng, phương tiện đơn giản, không đòi hỏi công nhân tay nghề cao, cấu kiện bê tông được lắp ghép nhanh chóng trong 2 giờ, loại bỏ hoàn toàn cốt pha sàn, giảm khối lượng gia công lắp đặt cốt thép tại chỗ tới 70% và giảm khối lượng đổ bê tông tại chỗ khoảng 30%.

Cũng tại buổi hội thảo, đại diện công ty Fecon đã trình bày tham luận giới thiệu về cọc bê tông ly tâm ứng lực trước với nhiều ưu điểm như: có thể áp dụng cho nhiều công trình, tiết kiệm nguyên liệu đầu vào (bê tông, cốt thép), được sản xuất theo dây chuyền tiêu chuẩn quốc tế, có độ cứng cao, khả năng chịu uốn cao, thời gian sản xuất ngắn, vận chuyển nhanh đến công trường, thân thiện với môi trường và dễ dàng kiểm soát chất lượng. Chính vì có nhiều ưu điểm như vậy nên cọc bê tông ly tâm ứng lực trước được ứng dụng rộng rãi tại các công trình xây dựng cảng biển, nhà máy, đường dẫn trên sông

biển, công trình lắp ghép trên mặt nước, công trình nhà đô thị và làm móng gia cố bể chứa. Ngoài ưu điểm và phạm vi ứng dụng, Fecon còn giới thiệu quy trình chế tạo cọc bê tông ly tâm ứng lực trước, bao gồm kiểm tra vật liệu đầu vào, chế tạo và gia công lồng thép, chuẩn bị khuôn đổ bê tông, trộn và rải bê tông, căng thép tạo dư ứng lực, quay ly tâm, thí nghiệm mẫu, kiểm tra cường độ bê tông, kiểm tra ngoại quan, uốn, nén và quy trình thi công cọc.

Kết luận hội thảo, đại diện Công ty ACH và Viện VLXD đã tổng kết những lợi ích kinh tế xã

hội của công nghệ sản nhẹ là tiết kiệm vật liệu mang lại hiệu quả trực tiếp, giảm thời gian thu được hiệu quả gián tiếp, bảo vệ nguồn tài nguyên, giúp giảm tiêu thụ điện, bảo vệ môi trường, tăng khả năng sở hữu nhà ở của người dân, đóng góp vào phát triển khoa học và giúp các công ty xây dựng nâng cao hiệu quả, đồng thời thể hiện mong muốn công nghệ sản nhẹ sẽ sớm được ứng dụng rộng rãi để giúp giảm thấp giá thành xây dựng.

Thu Huyền

Hội thảo Việt Nam - Hàn Quốc: “Nhu cầu và cơ hội đầu tư phát triển lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường”

Ngày 8/5/2012 tại Hà Nội, Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng đã phối hợp với Viện Công nghệ và công nghiệp môi trường - Bộ Môi trường Hàn Quốc tổ chức buổi Hội thảo Việt Nam - Hàn Quốc: “Nhu cầu và cơ hội đầu tư phát triển lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường”. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam Bùi Phạm Khánh và Thứ trưởng Bộ Môi trường Hàn Quốc Lee Chan Hee đồng chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo còn có đại diện lãnh đạo Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Viện Công nghệ và công nghiệp môi trường Hàn Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam và Hàn Quốc trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường.

Phát biểu khai mạc hội thảo, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh vui mừng nhận thấy, quan hệ hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc trong 20 năm qua đã không ngừng được mở rộng và phát triển, từ hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, chính trị đến văn hóa, khoa học kỹ thuật, môi trường... Nhận định việc phát triển ngành cấp thoát nước và môi trường là ưu tiên hàng đầu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh bày tỏ sự cảm ơn



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại Hội thảo

đối với Chính phủ và nhân dân Hàn Quốc đã giành các khoản viện trợ ODA cho Việt Nam để thực hiện các dự án trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải. Trong giai đoạn 2005 - 2011, Chính phủ Hàn Quốc đã viện trợ ODA không hoàn lại cho Việt Nam 145 triệu USD và 1,5 tỉ USD vốn vay ưu đãi. Các dự án sử dụng nguồn vốn này bao gồm Dự án Nhà máy nước Thiện Tân - Đồng Nai, Dự án Nhà máy xử lý nước thải và chất thải rắn Hải Phòng, Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Long Xuyên - An Giang, Dự án Nâng cấp và phát triển hệ thống cấp nước Trà Vinh.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đánh giá cao sự hợp tác chặt chẽ và có hiệu quả của Chính phủ cũng như các doanh nghiệp Hàn Quốc trong những năm qua, đặc biệt là trong lĩnh vực môi trường và phát triển hạ tầng, và hi vọng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực này sẽ còn tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Môi trường Hàn Quốc Lee Chan Hee nhận định, Việt Nam hiện nay giống như Hàn Quốc những năm 1970, cũng đang phải đối mặt với những thách thức về môi trường, như vấn đề ô nhiễm, rác thải, không khí. Tuy nhiên, từ năm 1980, sau khi ban hành và thực hiện Luật Môi trường, Hàn Quốc đã đạt được những kết quả khả quan, trở thành một điển hình của phát triển bền vững với tỉ lệ cấp nước sạch đạt 90% và tỉ lệ tái chế rác đạt 70%. Ông Lee Chan Hee cũng cho biết, năm 2005, Trung tâm hợp tác xúc tiến môi trường Hàn - Việt đã được thành lập nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường.

Tại Hội thảo, TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng đã trình bày tham luận về các cơ hội và nhu cầu hợp tác, đầu tư và phát triển lĩnh vực cấp thoát nước và xử lý nước thải. TS. Nguyễn Hồng Tiến cho biết, hiện nay trên toàn quốc có 70 doanh nghiệp cấp nước, 500/750 thị trấn, thị xã có cấp nước tập trung, tổng công suất thiết kế cấp nước đạt 6,4 triệu m³/ngày (2011), khai thác nguồn nước mặt cho cấp nước chiếm 65%, nước ngầm chiếm 35%, giá nước sạch bình quân cho sinh hoạt thấp (3.000-6.000 VND/m³), tỉ lệ thất thoát bình quân toàn quốc 30% (2010), hệ thống thoát nước đang xuống cấp, nước thải sinh hoạt tại phần lớn các đô thị chỉ được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại, sau đó theo các tuyến cống xả trực tiếp ra môi trường... Ngành cấp thoát nước của Việt Nam còn nhiều tồn tại như đầu tư cho cấp nước chưa đồng bộ giữa nhà máy và mạng lưới, mô hình



Thứ trưởng Bộ Môi trường Hàn Quốc Lee Chan Hee phát biểu tại Hội thảo

hệ thống thoát nước chưa thống nhất, hiệu quả quản lý vận hành thấp, cơ chế chính sách trong ngành nước còn nhiều bất cập... TS. Nguyễn Hồng Tiến cũng phân tích nguyên nhân của những tồn tại, bất cập hiện nay trong ngành cấp thoát nước, đó là: thiếu nguồn vốn đầu tư mạng lưới, trình độ, lực lượng cán bộ có chuyên môn còn hạn chế, mô hình quản lý cấp nước chưa phù hợp, chưa có mô hình quản lý thoát nước, thiếu cơ quan đầu ngành chuyên trách nghiên cứu vấn đề cấp thoát nước. Theo TS. Nguyễn Hồng Tiến, chính những tồn tại, bất cập trong ngành cấp thoát nước của Việt Nam hiện nay lại mở ra cơ hội hợp tác đối với các doanh nghiệp Hàn Quốc. Với hiện trạng vừa thiếu, vừa yếu, vừa chưa đồng bộ của lĩnh vực cấp thoát nước, các doanh nghiệp Hàn Quốc có rất nhiều cơ hội đầu tư vào ngành nước với số lượng dự án cấp thoát nước nhiều, được hưởng nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư cấp thoát nước (như hỗ trợ xây dựng công trình ngoài hàng rào, hỗ trợ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, một phần chi phí xây dựng đối với vùng đặc biệt khó khăn, miễn tiền thuê đất, sử dụng đất), hình thức đầu tư trong ngành nước phong phú (đầu tư sử dụng vốn ODA, hình thức BOT, BT, PPP).

Tại buổi hội thảo, đại diện các doanh nghiệp Hàn Quốc đã trình bày sơ lược về các công nghệ được nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi

trường đặc biệt quan tâm như: công nghệ chuyển đổi chất thải thành năng lượng, xử lý nước theo quy trình KNR, hệ thống xử lý bùn thải như năng lượng và nhiên liệu, công nghệ xử lý nước thải chứa phân gia súc từ các khu chăn nuôi và chế biến phân bón lỏng, giải pháp xử lý và quan trắc nước... Đồng thời, đại diện các doanh nghiệp Việt Nam như Công ty nước sạch Hà Nội, Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam... cũng giới thiệu tóm tắt về doanh nghiệp mình, nhận định tiềm năng hợp tác, các lĩnh vực có thể hợp tác và đề xuất phương thức hợp tác với các doanh nghiệp nước bạn.

Kết thúc buổi hội thảo, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh khẳng định, với trách nhiệm là cơ quan quản lý ngành, Bộ Xây dựng đã và sẽ ban hành nhiều chính sách cởi mở, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư trong ngành cấp thoát nước và môi trường. Thứ trưởng nhận định buổi hội thảo là cơ hội tốt để các nhà quản lý, các nhà nghiên cứu và các doanh nghiệp ngành cấp thoát nước Việt Nam và Hàn Quốc cùng trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm về quản lý, công nghệ, xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường.

Thu Huyền

Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 4/2012

Trong tháng 4/2012 đã có 08 Phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận và cho phép đi vào hoạt động.

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN kiểm định công trình thuộc Cty CP Phát triển Trường Sơn Việt Số 50 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội	LAS-XD 334	QĐ số 93/QĐ-BXD ngày 03/4/2012
2	Phòng TN kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn XD kiểm định Bảo Nam Số 18/2A, Tân Hiệp 11, ấp Thới Tây, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 1210	QĐ số 104/QĐ-BXD ngày 09/4/2012
3	Phòng TN kiểm định chất lượng công trình thuộc Trung tâm Tư vấn quản lý dự án và kiểm định giao thông vận tải Lâm Đồng Số 21, An Tôn, phường 4, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng	LAS-XD 1209	QĐ số 105/QĐ-BXD ngày 09/4/2012
4	Phòng TN kiểm định VLXD thuộc Cty CP tư vấn - kiểm định và XD A.G.C Việt Nam Số 3, đường Ngô Quyền, phường Thanh Bình, TP. Hải Dương	LAS-XD 1200	QĐ số 106/QĐ-BXD ngày 09/4/2012
5	Phòng TN kiểm định chuyên ngành XD thuộc Cty TNHH tư vấn XD V.M. Số 33 Phan Đình Phùng, Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	LAS-XD 927	QĐ số 107/QĐ-BXD ngày 09/4/2012

6	Phòng TN thuộc Cty CP tư vấn và XD thống nhất Số 14, đường số 2, căn cứ 26, phường 7, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 415	QĐ số 108/QĐ-BXD ngày 09/4/2012
7	Phòng thí nghiệm VLXD và kiểm định công trình thuộc Chi nhánh Thí nghiệm - Cty CP Sông Đà 505 Số 79 Ngô Quyền, phường Thống Nhất, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	LAS-XD 750	QĐ số 110/QĐ-BXD ngày 10/4/2012
8	Phòng thí nghiệm và kiểm định XD Quy Nhơn thuộc Chi nhánh Cty TNHH NN MTV Khoa sắt và XD tại miền Trung Số 260 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Bình Định	LAS-XD 39	QĐ số 111/QĐ-BXD ngày 10/4/2012

Huỳnh Phước

Sản xuất gạch ngói nung bằng công nghệ bán dẻo

Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng về xoá bỏ sản xuất gạch ngói nung bằng lò thủ công và hạn chế sử dụng đất sét ruộng trong sản xuất gạch ngói nung, trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu các công nghệ sản xuất gạch ngói tiên tiến của các nước Đức, Tây Ban Nha, Italia và Trung Quốc kết hợp với kinh nghiệm sản xuất gạch ngói nung của Cty, Cty CP Tập đoàn Thạch Bàn đã nghiên cứu thành công công nghệ sản xuất gạch ngói nung theo phương pháp bán dẻo - công nghệ bán dẻo. Hiện nay Cty đang triển khai các thủ tục đăng ký bản quyền phát minh, sáng chế với các cơ quan quản lý Nhà nước.

Công nghệ bán dẻo không sử dụng nguyên liệu là đất sét ruộng mà sử dụng nguyên liệu “gây” gồm: Các loại đất đồi, đất bóc thải loại ở các mỏ, bìa than, than xít, xỉ lò nung, gạch ngói phế liệu, kể cả các chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ nhà, tường xây, ngói lợp,... Ngay cả gạch ngói phế liệu, xỉ lò sau khi nung cũng được nghiền nhỏ và đưa trở lại vào dây chuyền nguyên liệu. Do vậy, nhà máy hoạt động theo công nghệ bán dẻo sẽ không phát thải các chất thải rắn.

Nhà máy sản xuất theo công nghệ bán dẻo sẽ được trang bị hệ thống các máy và thiết bị

chuyên dụng sử dụng cho việc gia công chế biến nguyên liệu “gây” thành các “bài phối liệu” phù hợp cho từng loại sản phẩm gạch xây, ngói lợp, gạch lát nền khác nhau.

Quy trình sản xuất theo công nghệ bán dẻo bao gồm các công đoạn: Gia công nguyên liệu thô; gia công nguyên liệu tinh; tạo hình, xếp goòng; sấy nung sản phẩm trong lò tuynet; ra lò và phân loại sản phẩm.

a. Gia công nguyên liệu thô

Đất đồi, than non và các nguyên liệu phối trộn khác được lưu giữ trong kho chứa theo từng lô riêng biệt; nguyên liệu cứng và dẻo cũng được lưu giữ tại từng khu vực riêng biệt trong nhà kho. Nguyên liệu đạt độ ẩm theo yêu cầu được xe xúc lật lấy riêng từng loại và cấp vào máy cấp liệu theo từng dây chuyền gia công riêng. Trong dây chuyền gia công nguyên liệu cứng, đất đồi cứng được đập vỡ và sàng lọc hạt đạt kích thước theo yêu cầu sau đó được chuyển vào máy trộn để trộn với nguyên liệu dẻo đã được xử lý trước đó trong dây chuyền sản xuất nguyên liệu dẻo. Trong máy trộn, hai loại nguyên liệu trên được trộn theo tỷ lệ nhất định (tỷ lệ này do Phòng kỹ thuật của nhà máy xác định đối với từng loại nguyên liệu khác nhau).

Than cám nghiền mịn cũng được bằng tải pha than cung cấp vào máy trộn theo tỷ lệ do Phòng kỹ thuật yêu cầu. Tại đây, than cám nghiền mịn được trộn đều với nhau và bổ sung thêm nước đảm bảo độ ẩm ngậm ủ.

Sau khi đi qua máy trộn, nguyên liệu được đưa vào kho ủ. Với thiết bị bằng tải di động đổ liệu ở cả hai đầu, nguyên liệu sẽ được đổ vào từng ô liệu riêng trong kho ủ.

Sau khi được ủ trong khoảng thời gian nhất định, nguyên liệu từ các ô chứa liệu đã đáp ứng được các yêu cầu sẽ được đưa vào hệ thống dây chuyền thiết bị gia công tinh.

b. Gia công nguyên liệu tinh

Trong dây chuyền gia công nguyên liệu tinh, nguyên liệu được nghiền mịn và phá vỡ cấu trúc một lần nữa. Các phối liệu được nhào trộn đều, điều chỉnh độ ẩm đến độ ẩm tạo hình trước khi được cấp vào máy nhào đùn hút chân không.

c. Tạo hình, xếp goòng

Trong máy nhào đùn liên hợp hút chân không, phối liệu sau khi đi qua hệ thống trộn được đưa vào buồng hút chân không bằng hệ thống bơm chân không, không khí được hút ra khỏi phối liệu, làm tăng độ đặc chắc của gạch mộc, tạo ra cường độ ban đầu nhất định, giúp cho gạch mộc không bị biến dạng trong quá trình xếp goòng, sấy.

Sau khi qua máy đùn hút chân không, nhờ khuôn tạo hình và máy cắt phối, máy cắt viên, các sản phẩm sẽ được tạo hình tùy theo kích thước, hình dáng đã định. Gạch mộc sau tạo hình đạt độ ẩm 13% - 16% được tập trung tại bàn xếp và đưa vào thiết bị dàn hàng gạch sau đó máy xếp tự động sẽ tự động lấy sản phẩm mộc và xếp lên xe goòng theo từng hàng. Goòng sau khi xếp đủ sản phẩm mộc được thiết bị kéo và xe phà đưa đến khu vực lưu chứa goòng sau đó đưa vào hầm sấy tuynel.

d. Sấy nung sản phẩm trong lò tuynel

Sản phẩm mộc từ khu vực lưu chứa goòng được đưa vào hầm sấy tuynel nhờ kích thủy lực đặt ở đầu hầm. Tác nhân sấy chính là khí nóng

thu hồi từ vùng làm nguội của lò nung, khi thiếu sẽ bổ sung nhiệt bằng buồng đốt phụ. Việc hầm sấy được thiết kế mới hoàn toàn sẽ bảo đảm sấy gạch mộc có độ ẩm 13% - 16%; nhiệt độ sấy trung bình khoảng 120⁰C đến 150⁰C.

Sau khi qua lò sấy độ ẩm gạch mộc giảm còn 4% - 6%, được xe phà, kích đẩy thủy lực đưa vào lò nung. Nhiên liệu được sử dụng cho việc nung chín sản phẩm là than bìa, than xít, than cám nguyên khai. Than sau khi nghiền mịn được pha trực tiếp vào phối liệu lò. Lò nung là loại lò tuynel mái phẳng, không có lỗ đổ than trên nóc lò và chế độ nhiệt có thể được điều khiển tự động.

e. Ra lò, phân loại sản phẩm

Sản phẩm sau khi qua khỏi vùng nung được làm nguội ở cuối lò nhờ hệ thống thu hồi khí nóng và không khí cấp vào từ cuối lò.

Sản phẩm sau khi ra lò được công nhân bốc dỡ, phân loại theo tiêu chuẩn kỹ thuật và tập kết về bãi thành phẩm bằng xe nâng.

Ưu điểm của công nghệ bán dẻo là sản phẩm gạch xây (đặc hoặc rỗng) sẽ được tạo hình ở những hệ thống thiết bị đặc biệt; sản phẩm mộc được tạo hình ở độ ẩm thấp nên không cần lưu giữ trong hệ thống nhà kính, sản phẩm mà được đưa thẳng vào lò sấy, lò nung tuynel.

Công nghệ bán dẻo hạn chế rất nhiều việc sử dụng lao động thủ công cùng với diện tích sản phẩm, nhà kính; việc sản xuất không bị phụ thuộc vào thời tiết nên tiết kiệm được thời gian, năng lượng, giảm phối liệu. Việc áp dụng công nghệ bán dẻo sẽ tạo điều kiện cho việc tự động hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, tăng sản lượng và mở rộng quy mô nhà máy.

Công nghệ bán dẻo sử dụng các loại lò sấy, lò nung tuynel hoặc lò khe thanh lăn cho việc nung các loại sản phẩm khác nhau. Các hệ thống lò sấy, lò nung được thiết kế riêng biệt phù hợp với từng "bài phối liệu", từng loại sản phẩm. Các loại lò sấy, lò nung đều được thiết kế ở mức tự động hoá cao, áp dụng công nghệ

tiên tiến, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nhiên liệu, vật liệu và giảm thiểu lao động thủ công.

Công nghệ bán dẻo có ý nghĩa kinh tế - xã hội rất lớn, chắc chắn khi được triển khai đầu tư đồng bộ và ở diện rộng sẽ mở ra một “Thời kỳ mới” cho nghề làm gạch ngói nung Việt Nam. Các nhà máy sử dụng công nghệ bán dẻo rồi đây sẽ được xây dựng ở các vùng đồi núi, xa

đồng ruộng, xa khu dân cư và không còn phế thải rắn gây ô nhiễm môi trường; đặc biệt có thể xây dựng được những nhà máy có quy mô lớn (vài trăm triệu viên/năm), sản phẩm có chất lượng cao và thân thiện với cuộc sống con người.

*Nguồn: Công ty CP Tập đoàn Thạch Bàn
Biên tập: Huỳnh Phước*

Những sáng tạo trong thiết kế các cơ sở giáo dục ở Mỹ

Làm việc cùng với các nhà giáo dục trên khắp nước Mỹ, những kiến trúc sư tài năng đang mang những thiết kế đáp ứng chương trình giảng dạy và những sáng tạo kỹ thuật cho môi trường giáo dục phổ thông (K-12) và cao đẳng hiện nay. Một mặt, xu hướng này bắt nguồn từ hiện thực của hệ thống các công trình xây dựng, vật liệu, trang trí và nội thất phù hợp với ngành giáo dục vốn có đặc thù bền vững và hiệu quả về kinh tế. Mặt khác, các chương trình quốc gia và khu vực đã giúp hệ thống hóa tuyệt vời cho những nơi học tập như Edu Topia, Architects of Achievement, Học viện của Ủy ban các Kiến trúc sư về kiến trúc giáo dục (CAE). Hai chương trình cấp chứng chỉ bền vững - Ủy ban LEED về các công trình trường học xanh ở Hoa Kỳ và Hợp tác vì các trường chất lượng cao (CHPS) – đã được các địa phương, lãnh đạo các tổ chức và rất nhiều trường tư khắp nơi thông qua.

Hiện nay, những thách thức mà các nhà giáo dục Mỹ đang gặp phải không chỉ là áp lực xã hội và công nghệ, mà còn là vấn đề ngân sách và cải tổ chính trị. Sau nhiều thập niên tập trung cho các công trình xây mới, các chủ đầu tư đang hướng sự chú ý sang việc nâng cấp và mở rộng các công trình này, có tính tới các chi phí năng lượng, chi phí vận hành... Thông qua khuôn viên cũng như nội thất lớp học, các dự án này đã tạo tiếng vang về các phương pháp dạy và học mới – và một ý tưởng về thay đổi hoạt động ở trường học.

Công ty tư vấn môi trường làm việc DEG W, chi nhánh của AECOM tại Los Angeles ủng hộ thuật ngữ “ngữ cảnh học tập” để mô tả những thay đổi mạnh mẽ về cách thức tổ chức bên trong ngành giáo dục. Một xu hướng lớn khác là khơi lại những mối quan tâm tới ảnh hưởng và cảnh quan khu vực. “Tạo ra và khơi gợi những cảm xúc về địa điểm trường sẽ tăng cường đặc điểm và diện mạo của trường học” - Daniel Kelley, tập đoàn FAIA, đối tác lâu năm với MGA Partners Architects ở Philadelphia phát biểu: “Các lớp học và địa điểm học tập tốt nhất cần đáp ứng cũng như tạo ấn tượng về cảnh quan xung quanh. Thông qua kỹ năng và một cảm xúc hiện đại, chúng tôi kết nối học sinh và cộng đồng với di sản của những thiết kế trường học trước đây, và hướng tới một quan điểm tích cực hơn”.

Các ý tưởng chính được kết hợp với nhau đã thúc đẩy việc thông qua những ý tưởng mới nhằm tạo điều kiện cho học tập. “Để tăng cường độ chiếu sáng nơi ngồi học cần giảm các vật chắn, thêm nhiều kính và các vách trượt hơn” - Matt Thomas từ NanaWall Systems ở Mill Valley, California, nhà chế tạo các hệ thống vách kính phát biểu. Các lớp học cũng được chuyển thành các không gian dùng chung hoặc thêm thêm chức năng khác, và việc chú trọng tới các địa điểm học tập ngoài trời đã làm tăng nhu cầu của các vách ngăn có thể dịch chuyển được. Ông cho biết: “Phong cách học tập hiện đại không yêu cầu mọi tiết học đều diễn ra trong lớp. Các bài học ngoài trời sẽ mang lại

những cơ hội giáo dục tuyệt vời, bao gồm tư duy cá nhân, các kế hoạch làm việc theo nhóm hoặc theo lớp”.

Độ chiếu sáng tăng lên đồng nghĩa với tầm quan sát và độ an toàn cũng được nâng cao. “Các bức vách bằng kính tòi nhiệt đã được dùng nhiều hơn trong nhà trường – trái ngược hẳn với các vách mờ hoặc kính lưới thép thông thường – và nó không chỉ cải thiện khả năng phòng cháy” - Diana San Diego, Giám đốc marketing của SAFTI FIRST tại San Francisco, chuyên sản xuất kính tòi nhiệt và các hệ thống khung tại Hoa Kỳ, cho biết: “Sự đa năng của kính tòi nhiệt mang lại ánh sáng tự nhiên và giảm điện năng thấp sáng, đồng thời nâng cao sự an toàn và giúp các nhà giáo dục quan sát hoạt động của học sinh tại những nơi nguy hiểm như khu vực cầu thang”.

Các lợi ích của ánh sáng tự nhiên đối với năng lực của học sinh và hiệu quả giảng dạy đã được chứng minh rõ. Hội thảo “Ánh sáng tự nhiên trong nhà trường” do Tập đoàn Heschong Mahone tại Fair Oaks, California tổ chức năm 1999 đã hé mở một nghiên cứu: ánh sáng tự nhiên giúp nâng cao đáng kể điểm thi trắc nghiệm môn toán và tập đọc. Một nghiên cứu khác của Ủy ban năng lượng California chỉ ra rằng: tầm nhìn bên ngoài có thể thúc đẩy khả năng tư duy và khả năng ghi nhớ tới 25%.

Sử dụng năng lượng hiệu quả

Được sử dụng một cách đúng đắn, ánh sáng tự nhiên còn làm giảm tiêu thụ năng lượng trong công trình do thay thế cho đèn điện, bổ sung nhiệt lượng, cung cấp nhiên liệu tự nhiên cho các hệ thống năng lượng mặt trời. Hiệu quả năng lượng là nguyên tắc cốt lõi trong các chúng chỉ. Tại California, các công trình đáp ứng CHPS phải đạt hoặc vượt yêu cầu của Phần 6, Chương 24, Luật năng lượng bang, phiên bản 2008. Tại Massachusetts, “Luật năng lượng mở rộng” của bang định nghĩa tiêu chuẩn phải hiệu quả hơn 20% so với chuẩn quốc gia. Tiêu chuẩn LEED cho các trường học

đề xuất: hoặc năng lượng trong cả công trình phải dựa theo tiêu chuẩn 90.1-2007 ANSI/ASHRAE/IESNA, hoặc có xu hướng thực hiện dựa trên Hướng dẫn thiết kế năng lượng tiên tiến của ASHRAE hoặc Hướng dẫn các chỉ tiêu chính cho công trình tiên tiến của Viện các công trình mới Vancouver tại WASHINGTON.

Các kiến trúc sư ngày càng tập trung nhiều hơn vào việc thiết kế khép kín để đáp ứng các so sánh nêu trên. Rick Brow, Giám đốc marketing của CENTRIA, nhà sản xuất các tấm kim loại cho các lớp bao phủ và các hệ thống khép kín tại Moon Township, cho biết: “Nhiều nhóm tham gia dự án đang sử dụng các mô hình nhiệt để hiểu tính chất của các mặt liên kết tường-cửa sổ, cấu kiện liên kết tấm, hoặc các thuộc tính khác”. Ông giải thích: “Phá vỡ một tấm chắn không khí/hơi hoặc một cầu nhiệt trong môi trường khép kín sẽ dẫn đến hơi ẩm xâm nhập, đọng nước, hay mất nhiệt. Sẽ tốt hơn nếu những thử nghiệm được tiến hành trong phòng thí nghiệm chứ không phải trên hiện trường.”

Một lý do nữa để tăng cường sử dụng các tấm chắn khí và cách ly thường xuyên (ci) chính là những lời kêu gọi từ chính quyền địa phương, và các điều luật xây dựng tiêu chuẩn như IBC và IECC. Cary Robertson - kỹ sư dân dụng và là chuyên gia về các chỉ tiêu lớp bao phủ, Giám đốc bán hàng toàn quốc của Roxul, nhà sản xuất tấm cách nhiệt từ đá và len tại Milton, Ontario cho biết: “Cách ly thường xuyên đã có trong các luật hiện nay, vì thế các công trình mới hoặc cải tạo cần được cách ly, lắp đặt bên ngoài trên kết cấu hoặc khung dầm tòa nhà - Nó luôn đi cùng các vấn đề mới, như mức độ chịu nhiệt của cụm vách hay độ thẩm thấu hơi nước nhằm tối ưu hóa khả năng khô ráo của các bức vách vốn dễ hỏng bởi đọng nước hoặc nhiễm ẩm. Một vấn đề quan trọng khác là một số vật liệu cách nhiệt có thể tiêu dần theo thời gian.”

Theo Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA), trong các bức vách của các cơ sở giáo

dục, tiêu hao năng lượng được quyết định phần lớn bởi các hệ thống cơ học. Để bổ sung cho thiết kế tối ưu của HVAC, các lãnh đạo tổ chức này đang nghiên cứu sử dụng nhiều năng lượng tái sinh hơn nhằm giảm chi phí. “Dựa trên các yêu cầu của Tiêu chuẩn LEED cho các trường học – đặc biệt để đạt chứng chỉ Vàng hoặc Bạch kim – chúng tôi đặc biệt khuyến khích việc kết hợp các nguồn năng lượng tái sinh hoặc không gây ô nhiễm như địa nhiệt” - Tony Landers, nguyên nhân viên thiết kế các hệ thống HVAC, hiện là Giám đốc marketing của ClimateMaster chuyên về các loại bơm nguồn nước nóng tại thành phố Oklahoma cho biết.

Một yếu tố khác là sự tăng nhiệt và thất thoát năng lượng tại các mối tiếp xúc, có thể chiếm tới 25% tổng tiêu hao điện năng của trường – theo Dự án Phát triển giáo dục năng lượng quốc gia Manassas (NEED). Thậm chí điện năng có thể vẫn tăng ngay cả khi học sinh sử dụng phổ biến các thiết bị liên lạc không dây và công nghệ máy tính bảng để học tập - Joshua Zinder, AIA, LEED AP, hiệu trưởng trường Kiến trúc & Thiết kế Joshua ở Princeton, New Jersey, nói. “Trong khi công nghệ đang phát triển, các tính chất sự phạm và hoạt động của học sinh dường như lại quay về thời mà chuẩn mực là ngôi nhà một phòng học với bàn và bảng”.

Tiết kiệm vật liệu và tài nguyên

Để đánh giá sản phẩm trong các cơ sở giáo dục, các kỹ năng LCA (đánh giá kết quả vòng đời) giúp trả lời các câu hỏi về độ độc hại, khí thải nhà kính, tuổi thọ. Nó cũng làm giảm sự chú ý duy nhất vào giá cả ban đầu, mà thay vào đó là những lợi ích của chi phí vòng đời của các vật liệu bền như kim loại, đá, gạch kính ... chỉ cần bảo dưỡng ít mà lại có tính năng duy trì lâu dài. Blake Batkoff - Giám đốc bán hàng và marketing của Tập đoàn nhôm Petersen tại Elk Grove – cho rằng: “Ưu điểm chính của các bề mặt kim loại là tuổi thọ. Lắp đặt các hệ thống kim loại làm trần hoặc vách là lựa chọn tốt nhất cho các nhà trường”.

Các lợi ích mà vật liệu có kết quả LCA tốt mang lại gồm: giảm chi phí bảo dưỡng, tiêu hao năng lượng ít, có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng. Các vật liệu tự nhiên cũng có thể tốt cho sức khỏe học sinh. “Đá tự nhiên và gạch men ceramic là những lựa chọn tự nhiên cho các tường và sàn nhà của K-12 và tòa nhà của trường cao đẳng nhờ những tính chất chống vi khuẩn và vệ sinh sẵn có của chúng, cũng như thuận tiện với LCA và chi phí vòng đời. Đó là những vật liệu có tuổi thọ cao” - Sean Cilon, Giám đốc marketing của Florida Tile tại Lexington cho biết.

“Chi phí vòng đời là sự cải tiến chính cho mọi loại hình phát triển đối với khách hàng của chúng tôi và cho cộng đồng nói chung” - David M. Sikorsky, Giám đốc điều hành của Tập đoàn AECOMs Alternative Delivery tại thành phố New York, trình bày - “Mới cách đây chưa lâu, hầu hết các dự án đều bỏ thầu thấp. Trong khi có thể tiết kiệm ít tiền cho khách hàng, việc này lại không đảm bảo tuổi thọ cho công trình. Giờ đây chúng tôi xem xét vòng đời trong thiết kế cùng các chi phí bảo dưỡng, và chúng tôi đang tạo ra những kết quả tốt hơn.”

Duy trì các nền tảng vững chắc

Với việc sử dụng nhiều hơn những mô hình giáo dục trong nhà-ngoài trời, các kiến trúc sư cũng tập trung tìm cách tối đa hóa vòng đời của các khoản đầu tư cho mặt bằng xây dựng, các khu vực tạo cảnh quan, khu vực ngoài trời như sân chơi, sân thượng, mái nhà, cửa đón gió và các lối đi. Các phần Địa điểm bền vững (SS) trong cả CHPS lẫn LEED cho các trường học đều hướng tới tăng cường các khu vực mở nói chung cũng như các hiệu quả địa nhiệt, kiểm soát nước mưa, và khôi phục các vườn thực vật thành một sở thích tự nhiên.

“Áp dụng các mái trồng cây xanh đã thu hút cảm tình trong các trường trung học và cơ sở K-12” - Mark Fusco, nhà tư vấn trồng cây trên mái của Bison Innovative Products, Công ty sản xuất gỗ và trần phẳng có bộ đỡ tại Denver,

lưu ý. “Những nhà quản lý tại các học viện giáo dục bắt đầu hiểu ra các lợi ích cho con người và môi trường khi thêm các mái nhà xanh cho công trình”. Hai dự án đạt chứng chỉ Vàng của Tiêu chuẩn LEED là Trường trung học Centennial gần Toronto – đặc trưng bởi một mái xanh và một bức tường xanh trong nhà, và Trường Luật của Đại học British Columbia với sân mái tạo cảnh sử dụng các ngói gỗ đạt chứng chỉ của Hội đồng quản lý rừng (FSC).

Những chứng chỉ xanh trao cho các vườn mái này đã tạo phong trào trồng cây trên đỉnh các bề mặt nhựa đường hoặc bê tông cũ cũng như các phong trào khác như một sở thích thứ hai. Chúng nhận SS trong Tiêu chuẩn LEED cho các trường học có thể cấp cho những thiết kế công trình kết hợp các bề mặt mái có độ phân chiếu cao cũng như các mái phủ xanh. Độ phân chiếu có thể đo bằng chỉ số phản xạ mặt trời (SRI), và Tiêu chuẩn LEED cho các trường học yêu cầu chung SRI lớn hơn hoặc bằng 29% với các vật liệu phủ và các bề mặt không phải mái, và ít nhất 75% với các khu vực mái dốc nhiều. Với các mái dốc thấp (không quá 2:12) yêu cầu SRI lớn hơn hoặc bằng 78%. Hai phương pháp tính cho phép dùng để kết hợp các vật liệu có SRI cao với các khu vực trồng cây trên mái để giảm hiệu ứng địa nhiệt (Chúng nhận SS 7.2, Tiêu chuẩn LEED cho các trường học).

Quan trọng không kém việc lựa chọn đúng các vật liệu cho mái nhà là việc tích hợp các kết quả vào các môn học - Bernardo Fort, Hiệu trưởng sáng lập của trường Architectonica tại Miami, cho biết: “Trước đây có sự chú trọng tới tuổi thọ của vật liệu - nhất là trong các trường trung học, nhưng giờ đây đã có nhận thức mới về các vật liệu và các hệ thống đem lại sự bền vững”- ông giải thích: “Các vườn mái như trên đỉnh của trường Đại học quốc tế Florida cho phép các học sinh và thầy giáo chiêm ngưỡng khí hậu và các loài thực vật đặc biệt của Florida”.

Tại Học viện Metro Career tại thành phố Oklahoma, các tấm kính cho phép học sinh ngắm nhìn bên trong các hệ thống địa nhiệt. Một ví dụ khác là Trường Willow tại Glaxton, bang New Jersey: ngôi trường tiểu học tư thục với tường bằng đá, đang kết hợp các nguyên tắc sống bền vững vào các môn học của mình. Mỗi lớp học có các cửa sổ lớn và một cửa ra vào riêng để các học sinh có thể đánh giá “những yếu tố của cuộc sống đầy trách nhiệm” như: quần thể thực vật địa phương và một hệ thống hứng nước mưa tích hợp.

C.C. Sullivan

Nguồn: Tạp chí Architectural Record - 01/2012

ND: Lê Minh

Thành phố Hàng Châu, Trung Quốc kiên trì con đường xanh hóa đô thị

Hàng Châu nằm ở miền duyên hải Đông Nam Trung Quốc, phía Bắc của tỉnh Chiết Giang, nằm ở đầu cuối phía Nam của Kinh Hàng Đại Vân Hà, trên vùng đồng bằng châu thổ ở hạ lưu sông Dương Tử, thuộc vùng có khí hậu gió mùa cận nhiệt đới, ẩm áp và ẩm ướt, lượng mưa dồi dào, khí hậu trung bình hàng năm là 16,6 độ C, nhiệt độ mùa hè trung bình là 33,8 độ C, mùa đông nhiệt độ trung bình là

3,6 độ C, mặt trời chiếu sáng mỗi năm là 1.912 giờ, lượng mưa trung bình hàng năm là 1.449 mm. Khí hậu mùa hè nóng nhất là vào tháng 7~8 và cũng là thời điểm tổng lượng bức xạ mặt trời đạt giá trị cao nhất trong năm.

I. Hiện trạng xanh hóa và thực hiện xây dựng mái nhà xanh

Hàng Châu là một thành phố sơn thủy hữu tình, có nguồn tài nguyên thiên nhiên màu xanh

phong phú, là nơi có “khuôn viên núi thật nước thật trong thành phố”. Những năm gần đây, công tác xanh hóa thành phố ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Thông qua những thứ có thể tận dụng được, tuyên truyền phù hợp với thực tế, toàn dân chung sức trồng cây xanh. Việc xanh hóa thành phố được thực hiện bằng cách mở rộng từ Tây Hồ cho đến hai bên bờ sông Tiền Đường, từ những con đường chủ đạo cho đến những con hẻm của thành phố. Sau khi đã giành quán quân ngôi vị: Thành phố cây xanh quốc gia, thành phố hoa viên quốc tế, giải thưởng của Liên hợp quốc về môi trường sống, đạt được danh hiệu “Thành phố có quy mô xanh hóa trên toàn quốc”. Hiện nay, tỷ lệ không gian xanh thành phố Hàng Châu chiếm 33,51%, tỷ lệ phủ xanh là 36,83%, được coi là thành phố có tỷ lệ xanh hóa dẫn đầu trên toàn quốc.

Mái nhà xanh của khu vực thành phố Hàng Châu, được bắt đầu thực hiện vào những năm 80 của thế kỷ XX. Năm 1987, người ta đã thực hiện đã xây dựng 700m² hoa viên trên mái Nhà máy sợi hóa học Hàng Châu. Gần đây, công trình thành công nhất là xây dựng mái nhà xanh cho 14 tòa lầu quanh khách sạn Tân Kiều, tổng diện tích là 40.000 m², đây là dự án mái nhà xanh đẹp nhất hiện nay. Thời gian thi công cho dự án này là 5 tháng, ngày 20/12/2010 đưa vào sử dụng. Thực tiễn chứng minh, mái nhà xanh và trồng xanh đều có lợi cho công tác xanh hóa đô thị, có tác dụng thúc đẩy nâng cao tỷ lệ phủ xanh cho đô thị, đây là công tác cần nhanh chóng thực hiện trên diện rộng.

II. Hiệu quả và lợi ích của mái nhà xanh

Bắt đầu từ năm 1996, chính quyền thành phố Hàng Châu đã đưa ra quy định cụ thể (Quy định số 34/Hàng Châu (1996): Đối với các dự án xây dựng nhà ống cao tầng, tầng hầm, nhà để xe nhiều tầng, khi thiết kế kết cấu mái, nhất thiết phải bố trí phù hợp để thực hiện thi công mái nhà xanh, đồng thời cần đưa ra phương án cho mái nhà xanh.

Mặc dù, Hàng Châu đứng đầu toàn quốc về

tỷ lệ màu xanh trong đô thị, nhưng so với yêu cầu của tổ chức môi trường và sinh thái quốc tế về mức độ hiện đại hóa thành phố, thì hiện vẫn còn một khoảng cách nhất định, việc mở rộng phát triển và cải tạo mái nhà xanh còn nhiều hạn chế.

1. Giảm hiệu ứng “đảo nhiệt”, tiết kiệm nguồn năng lượng

Vào mùa hạ, khí hậu ở Hàng Châu khá nóng, các loại thiết bị làm mát được người dân sử dụng hết công suất, khiến cho mạng lưới điện bị quá tải. Mái nhà xanh có tác dụng làm giảm nhiệt độ rõ rệt cho các tòa nhà, và cũng mang lại hiệu quả điều tiết môi trường đối với những kiến trúc xung quanh. Theo tính toán, cải tạo màu xanh cho công trình kiến trúc 6 tầng, độ dày kết cấu mái là 150mm, độ dốc kết cấu mái là 5%, thiết lập tầng gác, dựa vào tiêu chuẩn thấp nhất để tính toán, thì có thể giảm nhiệt đến 5⁰C, thực tế cho thấy, nếu tăng độ dày, hiệu quả giữ nhiệt cách nhiệt càng cao.

2. Tích trữ nước mưa, giảm ngập lụt trong thành phố

Hàng Châu là thành phố du lịch nổi tiếng tầm vóc quốc tế, trong đó nổi bật nhất là vùng sông nước Giang Nam. Song song với việc không ngừng mở rộng và phát triển, thành phố đang phải đối mặt với sự hủy hoại môi trường và hệ thống nước tự nhiên, sau mỗi đợt mưa lũ việc thoát nước trong thành phố ngày càng trở nên khó khăn. Nên thông qua mái nhà xanh, có thể tích trữ lượng lớn nước mưa và đưa vào sử dụng, giảm bớt những ảnh hưởng liên quan tới việc quản lý thoát nước trong thành phố, trì hoãn thời gian nước lũ đổ vào mạng lưới đường ống trong thành phố, giảm bớt lưu lượng dòng chảy và quá trình lưu lượng nước lên và xuống sau mưa lũ, giảm nhẹ áp lực lên mạng lưới ống thoát nước của thành phố và những thiệt hại phát sinh từ mưa lũ.

3. Giảm bớt tiếng ồn

Mái nhà xanh vừa là vật cản và cách âm được những âm thanh bên ngoài một cách hiệu

quá, vừa có thể giảm nhiệt độ trong phòng nên từ đó có thể giảm thời gian sử dụng điều hòa, đồng thời, nó còn có tác dụng đối với việc cải thiện môi trường sống của người dân và hài hòa mối quan hệ của con người, xây dựng văn minh và xã hội.

4. Nâng cao chất lượng xây dựng

Mái nhà xanh có thể nâng cao chất lượng đối với toàn bộ kiến trúc xây dựng và môi trường sinh sống của người dân. Có thể mở rộng giá trị không gian của phòng ốc. Môi trường không khí trong sạch, có thể nâng cấp giá trị của căn hộ, đồng thời còn làm cho mặt đứng thứ 5 của kiến trúc đẹp hơn, tăng thêm độ hài hòa với môi trường xung.

III. Phương án thực hiện dự án mái nhà xanh cho những kiến trúc xây dựng xung quanh khách sạn Tân Kiều

1. Tình hình cơ bản của dự án thí điểm

Dự án thí điểm này nằm ở khu vực giao lộ giữa đường Diên An và đường Giải Phóng, phía đông giáp đường Huệ Hưng, phía Bắc giáp với đường Nhân Hợp, mặt tây giáp với Tây Hồ và khu du lịch quốc tế Hồ Tân, phía Nam giáp với đường Quốc Hóa, lấy khách sạn Tân Kiều làm trung tâm, là khu vực cửa ngõ quan trọng của thành phố Hàng Châu. Khu vực thực hiện của dự án có một lượng lớn công trình kiến trúc được xây dựng từ những năm 80~90, trong đó có nhiều kiến trúc xây dựng bất hợp lý, thiết bị cơ sở vật chất của tầng mái lộn xộn không theo một quy tắc nào. Gạch sử dụng để xây dựng những kiến trúc cũ, chủ yếu là gạch có kết cấu hỗn hợp, trong đó một số kiến trúc cũ có khả năng chịu lực kém, đối với mái nhà thiết kế chịu được tải trọng, tải trọng trực tiếp lên mái là 150kg/m^2 , đối với mái thiết kế không chịu được tải trọng, thì tải trọng trực tiếp là 70kg/m^2 , loại mái này không chịu được biến tải quá lớn, trước đây, khả năng chống động đất trong xây dựng cũng chưa được chú trọng. Khi tiến hành mái nhà xanh đối với những công trình xây dựng này sẽ gặp rất nhiều khó khăn, nên chỉ có thể

chọn lựa những hình thức xanh hóa một cách đơn giản, giá thành rẻ, trọng lượng thấp, chi phí bảo vệ thấp, đối với kiến trúc này biến tải khoảng 40kg/m^2 . Hầu hết các căn hộ mái bằng cũ đều thực hiện mái nhà xanh theo phương án này, như vậy mới có thể nâng cao được tính an toàn của kiến trúc, chống thấm, làm đẹp cho môi trường xung quanh khu tòa nhà cũ, nâng cao được chất lượng của các tòa nhà, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

2. Kết hợp chặt chẽ giữa quá trình thi công mái nhà xanh với kết cấu một cách tối ưu

Khi thực hiện công tác xử lý mái, cần tuân thủ kết hợp chặt chẽ giữa quá trình thi công mái nhà xanh với kết cấu xây dựng một cách tối ưu và nhất thiết dựa theo yêu cầu kỹ thuật đối với kết cấu xây dựng. Trong quá trình thi công mái nhà xanh, thông qua việc thay đổi từ mái bằng sang mái dốc, sẽ làm cho những kiến trúc có mái bằng mang đậm nét đặc trưng của kiến trúc Giang Nam, thông qua việc thi công hoa viên trên mái, sẽ làm cho cảnh quan hòa hợp với kiến trúc Hồ Tân. Để dự án này có thể tiết kiệm năng lượng và giúp thành phố phát triển bền vững, cần lựa chọn những loại cây phù hợp với sự phát triển của thành phố và phù hợp với việc duy trì cảnh quan như cỏ vạn niên, cây phong đỗ, cây lựu..., một hoa viên đẹp, phối hợp cùng với những tiểu phẩm điêu khắc đặc sắc, sẽ làm tăng thêm vẻ đẹp cảnh quan của kiến trúc xung quanh khách sạn Tân Kiều. Công trình kiến trúc mái nhà xanh của khách sạn Tân Kiều đã thu hút được sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, điển hình là nội dung phê duyệt báo cáo của ông Trần Gia Nguyên phó thị trưởng tỉnh Triết Giang đối với báo cáo “Hoàn thành toàn bộ các dự án thí điểm về việc tu sửa mái cho các tòa nhà trong thành phố” của Sở Xây dựng thành phố: “Việc tu sửa mái cho các tòa nhà đã được thực hiện tốt, rất có ý nghĩa. Mặt đứng thứ 5 có ý nghĩa quan trọng đối với môi trường xung quanh và hình tượng của thành phố, nhưng có

nhiều địa phương lại không quan tâm. Hi vọng sẽ có nhiều thành phố quan tâm hơn nữa đến vấn đề này và đưa ra những kinh nghiệm quý báu.”

IV. Giải quyết những nút thắt kìm hãm sự phát triển mái nhà xanh

1. Vấn đề chính sách tiền vốn

Trong quá trình thực hiện dự án mái nhà xanh, chính quyền và các cơ quan chủ quản của thành phố cần tuyên truyền một cách đầy đủ những công việc có ý nghĩa quan trọng trong dự án này, nhưng nhiều chủ công trình vẫn chưa thực sự hiểu hết vấn đề, trong đó ý kiến chủ yếu ở vào hai phương diện là chính sách và tiền vốn. Năm 1996, thành phố Hàng Châu đã quy định “Thực hiện mái nhà xanh đối với các kiến trúc cao tầng, tầng hầm, nhà xe và kiến trúc mái bằng đối với các công trình xây dựng”, năm 2005, yêu cầu “Tất cả các công trình kiến trúc xây dựng mới nhất thiết phải thi công mái nhà xanh, đồng thời tiến hành thiết kế, thi công, nghiệm thu đối với mái nhà xanh và chủ thể xây dựng”, nhưng trên thực tế, những quy định này lại không có hiệu quả, chính quyền cũng không đưa ra được những biện pháp thực hiện tương ứng. Nhiều chủ đầu tư cho rằng “Nhiều hơn một việc không bằng bớt đi một việc”, bởi khi thực hiện mái nhà xanh, chắc chắn sẽ phải thêm việc chăm sóc. Thi công mái nhà xanh trên những tòa nhà cũ, còn phải xử lý chống thấm và cần thường xuyên kiểm tra khả năng chịu lực, không có nguồn vốn đầu tư bổ sung.

2. Vấn đề công nghệ thi công

Do trình độ công nghệ thi công chưa đồng đều, nên cũng là một trong những yếu tố gây hạn chế việc thực hiện thi công mái nhà xanh. Từ năm 2005 đến nay, các tỉnh thành lần lượt đưa ra quy trình và quy phạm có liên quan tới công nghệ trồng cây trên mái nhà, nhưng đối với nhiều đơn vị thì đây vẫn là một việc làm khá mới mẻ. Nhiều tỉnh thành còn chưa đưa ra quy định rõ ràng về tiêu chuẩn trình độ thi công mái nhà xanh, còn thiếu đơn vị thi công và nhân

viên chuyên nghiệp, một số doanh nghiệp chưa chú trọng tới các kỹ thuật chi tiết như khả năng chịu tải, chống thấm, lựa chọn cây trồng..., các lớp chống thấm không được bảo vệ đúng mức, khiến tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ nước..., những điều này sẽ làm ảnh hưởng tới sự phát triển của mái nhà xanh trong xây dựng.

V. Tiếp tục đẩy mạnh những đối sách của mái nhà xanh

1. Đưa ra những chính sách và quy định

Vấn đề đầu tiên để thúc đẩy thực hiện chương trình mái nhà xanh là cần hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về công tác này. Đồng thời, cần có những biện pháp, kế hoạch thực hiện rõ ràng, các quy định về thiết kế, thi công, trách nhiệm của các chủ thể trong đó có chính quyền, chủ đầu tư, nhà thầu...

2. Đảm bảo tiền vốn và khen thưởng

Tiền vốn xây dựng, tiền vốn dùng vào duy tu và quỹ khen thưởng phải đảm bảo đầy đủ, như vậy mới đảm bảo được tính tích cực của chủ đầu tư, hiệu quả công việc mới được củng cố. Từ việc nâng cao sinh thái, môi trường, tiết kiệm năng lượng... của thành phố, cần thúc đẩy phương châm “chính quyền chỉ đạo, xã hội tham gia, hỗ trợ tài chính, khen thưởng tiên tiến”. Một là, tìm cách tập trung tiền vốn xây dựng. Thiết lập cơ chế hỗ trợ tài chính cho thành phố. Hai là, bố trí hợp lý kinh phí duy tu hàng ngày. Ba là, quy định và thực thi chính sách khen thưởng. Căn cứ vào báo cáo của bộ phận quản lý khuôn viên xanh sạch đẹp của thành phố báo lên Chính phủ, những thành tích nổi bật trong xây dựng mái nhà xanh của khu vực, đường phố và đơn vị sẽ được biểu dương và khen thưởng, cổ vũ toàn thành phố cùng tham gia trồng cây xanh, đẩy mạnh tiến trình đưa thành phố Hàng Châu trở nên tươi đẹp và phát triển.

3. Tăng cường tuyên truyền

Để thúc đẩy thực hiện xây dựng mái nhà xanh đối với toàn thể người dân trong thành phố Hàng Châu, xây dựng ý thức và tính trách

nhiệm cho một môi trường sinh thái tươi đẹp. Chính quyền thành phố cần đẩy mạnh tuyên truyền tính sinh thái của mái nhà xanh, để người dân hiểu được một cách đầy đủ hiệu quả chức năng của một bầu không khí trong lành, môi trường sạch đẹp, giảm thiểu bức xạ, giảm tiếng ồn; tuyên truyền tính khả thi của kiến trúc mái nhà xanh, mái nhà xanh ở các nước phát triển đã trở nên phổ biến từ lâu, một số thành

phố trong nước cũng thực hiện và đưa vào sử dụng và đây là thời điểm tốt nhất để toàn thành phố Hàng Châu cần mở rộng phát triển kiến trúc mái nhà xanh./.

Quản Quang Nghiêu- Chương Mẫn
Tạp Chí Xây dựng Đô thị và Nông thôn TQ,
tháng 12/2011
ND: Bích Ngọc - Khánh Ly

Các phụ gia làm tăng tuổi thọ của bê tông

Tuổi thọ của bê tông

Thiết kế các cấu kiện bê tông là một quá trình phát triển liên tục. Việc ứng dụng và triển khai các phương pháp xây dựng mới nâng cao yêu cầu đối với các loại vật liệu xây dựng. Các nhà sản xuất bê tông hàng năm vẫn phải đối mặt với những bài toán công nghệ khác nhau, cũng như các yếu tố về kinh tế, sinh thái, giá thành nguyên liệu thô, chi phí năng lượng... Thời hạn để hoàn thành tất cả các quy trình liên quan tới xây dựng là một vấn đề ngày càng trở nên cấp thiết hơn.

Công nghệ phụ gia Sika ViscoCrete mở ra nhiều khả năng mới cải thiện thành phần bê tông, trong đó khả năng giảm lượng nước trong thành phần hỗn hợp bê tông là yếu tố đặc trưng của các phụ gia này. Tỷ lệ nước/xi măng thấp làm tăng đáng kể khả năng chống thấm, đồng thời gia tăng tuổi thọ của bê tông. Các phụ gia này còn cho phép hợp lý hoá giá thành hỗn hợp bê tông, và phù hợp với xu hướng hiện nay là sử dụng hỗn hợp bê tông tự lèn. Xu hướng trên đòi hỏi những phụ gia mới cho bê tông, và Sika ViscoCrete đã nghiên cứu đưa ra một số phụ gia không chỉ dành cho các nhà sản xuất bê tông ứng dụng trong nhà máy sản xuất cũng như ngay tại các công trường xây dựng, mà còn dành cho các nhà sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép. Tạo ra các hỗn hợp bê tông có tính linh động cao chính là một đặc tính cơ bản của các phụ gia này.

Đặc tính tự bảo quản rất cao của hỗn hợp bê tông (trong vòng vài giờ đồng hồ) đặc biệt quan trọng trong điều kiện xây dựng tại các đô thị với nhiều khó khăn về giao thông, cũng như cho các công trường xây dựng ở xa, đòi hỏi thời gian vận chuyển kéo dài. Các phụ gia Sika ViscoCrete bảo đảm cho bê tông có tính linh động cao tại các khu vực có nhiệt độ môi trường xung quanh ở nền nhiệt cao.

Đạt được cường độ cần thiết là một tiêu chí hàng đầu trong sản xuất bê tông cũng như trong xây dựng thương mại. Các nhà xây dựng luôn quan tâm đến khả năng đóng rắn nhanh và cường độ sớm cao để có thể dỡ ván khuôn sớm nhất đối với các kết cấu xây dựng tại các công trường xây dựng cũng như ngay tại các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép.

Tại các nhà máy bê tông cốt thép, đạt cường độ sớm có ý nghĩa quyết định, đồng thời có ảnh hưởng đến toàn bộ quy trình sản xuất. Cường độ cao của bê tông cho phép tăng cường sự quay vòng ván khuôn trong các nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông; giảm tiêu hao năng lượng để chùng hấp bê tông; và truyền ứng suất trước cho các sản phẩm trong thời gian ngắn hơn.

Giảm độ xốp (rỗng) mao dẫn, tăng tuổi thọ bê tông.

Tỷ lệ nước/xi măng có ảnh hưởng quyết định tới khả năng chống thấm vữa xi măng. Áp dụng chất phụ gia Sika ViscoCrete có thể nâng cao khả năng chống thấm của bê tông.

Tăng cường độ bê tông nhờ giảm tỷ lệ nước/ xi măng.

Độ bền nén của bê tông phụ thuộc chủ yếu vào tỷ lệ nước/xi măng. Liên quan tới vấn đề này - trong các điều kiện như nhau - việc tăng lượng nước trong hỗn hợp bê tông sẽ dẫn tới sự gia tăng tính linh động và giảm cường độ của bê tông trưởng thành. Phụ gia Sika ViscoCrete giúp tạo ra bê tông có cường độ cao và đóng rắn nhanh mà không cần thay đổi tỷ lệ nước/ xi măng. Ngoài ra, nhờ các phụ gia này, các nhà xây dựng có thể đạt được những hiệu quả đồng thời - tính linh động cao của hỗn hợp bê tông và cường độ cao của bê tông.

Các yêu cầu và lĩnh vực áp dụng

Các hỗn hợp bê tông có tính linh hoạt cao giúp đơn giản hóa toàn bộ quy trình xây dựng.

Yêu cầu:

Tuổi thọ của bê tông và cường độ bê tông được xác định chủ yếu dựa vào 2 yếu tố cơ bản: lượng xi măng sử dụng và tỷ lệ nước/xi măng. Hai yếu tố chủ yếu này thường được hỗ trợ bởi hỗn hợp bê tông để đỡ nhờ phụ gia siêu dẻo.

Tốc độ xây dựng có tầm quan trọng hơn cả. Việc áp dụng các hỗn hợp bê tông có tính linh động cao bảo đảm:

- đổ bê tông nhanh;
- thời gian đóng rắn của bê tông ngắn;
- nâng cao chất lượng bề mặt bê tông.

Tất cả những yếu tố trên giúp giảm chi phí và tiết kiệm thời gian, đồng thời làm chặt chẽ hơn các yêu cầu theo hướng sau:

- duy trì ở mức cao tính lưu động và cường độ sớm của hỗn hợp bê tông;
- nhanh dỡ ván khuôn;
- kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, chi phí năng lượng, chi phí nhân công.

Độ bền của các kết cấu bê tông được hiểu không chỉ là tuổi thọ của bê tông và thời hạn sử dụng công trình. Liên quan tới vấn đề này, các kỹ sư đang tham gia nghiên cứu thành phần bê tông cần tính toán cả “chỉ số các bon” khi sản xuất bê tông. Việc phát thải các bon trong sản

xuất bê tông có thể được hạn chế bằng những phương pháp sau:

- tối ưu hóa lượng chất kết dính;
- ứng dụng xi măng có phụ gia đi kèm;
- sử dụng vật liệu tái chế gốc xi măng;
- tăng cường sử dụng các phụ gia
- sử dụng các vật liệu độn có nguồn gốc từ vật liệu tái chế.

Áp dụng:

Công nghệ Sika ViscoCrete cung cấp giải pháp cho mọi lĩnh vực của ngành công nghiệp bê tông - bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn, hoặc bê tông đổ tại hiện trường. Các bên tham gia quá trình xây dựng có thể có những yêu cầu khác nhau, tùy thuộc vào công việc hàng ngày của họ, và công nghệ Sika ViscoCrete có thể đáp ứng tất cả các yêu cầu đó.

Tối ưu hóa chi phí:

Sản xuất bê tông tiết kiệm tài nguyên ngày càng trở thành vấn đề có tầm quan trọng lớn.

Công thức cấp phối của bê tông không đơn thuần là một thuật ngữ kỹ thuật, mà còn liên quan mật thiết đến việc tìm kiếm các nguyên liệu thô có hiệu quả kinh tế và phát triển bê tông có cấp phối sinh thái. Bê tông là loại vật liệu nhiều thành phần, với nhiều thông số có thể ảnh hưởng đến tính hiệu quả của hỗn hợp bê tông và bê tông. Sự phù hợp của các thành phần cấu tạo nên bê tông và có tính đến các vấn đề về môi trường đã giúp cho sự phát triển của cấp phối hỗn hợp bê tông ngày càng đáp ứng yêu cầu.

Trước kia, yếu tố chính để xác định thành phần của hỗn hợp bê tông là sự phù hợp với các tiêu chuẩn cần thiết với chi phí tối thiểu. Do sự thay đổi các quy phạm về môi trường và sự ra đời của các quy định kiểm soát môi trường nên sản xuất bê tông theo các công nghệ tiết kiệm tài nguyên ngày càng được chú trọng. Để giải được bài toán này, các biện pháp sinh thái sử dụng các vật liệu thô đã được đề ra. Điều này không chỉ có nghĩa là chất kết dính, mà tất cả các loại vật liệu được đưa vào quy trình lựa

chọn thành phần cho hỗn hợp bê tông cũng được xem xét và tối ưu hoá.

Ví dụ: thay thế cát trong sản xuất bê tông thương phẩm. Ở nước CH Ai-len, các mỏ cát trầm tích thời kỳ băng hà ngày càng khan hiếm, xin cấp phép khai thác nguyên liệu thiên nhiên này rất khó. Vì vậy, các nhà máy bê tông phải nhập cát từ các nhà cung cấp khác nhau, việc này dẫn tới tính chất của vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, nhiều nhà máy bê tông tương đối gần các khu vực khai thác đá, mà một sản phẩm phụ trong sản xuất đá chính là đá mạt. Sử dụng đá mạt là phương án hợp lý, tuy còn một số hạn chế không mong muốn. Những phần tử nhỏ của chất độn sẽ ảnh hưởng không tốt đến tính đồng nhất của các phần tử, làm tăng thành phần cấu tạo từ các bụi

to. Điều này khiến lượng dùng nước của hỗn hợp bê tông tăng lên, và ảnh hưởng tới các tính chất của bê tông khi đổ, cũng như ảnh hưởng không tốt về mặt thẩm mỹ của sản phẩm bê tông. Để bù lại những yếu tố tiêu cực trên, cần áp dụng các phụ gia siêu dẻo nhằm đạt được sự cân bằng trong lượng dùng nước, cải thiện tính lưu động của hỗn hợp, nâng cao chất lượng bê tông.

Tại CH Ai-len và một số vùng không sẵn cát có thể dùng đá mạt thay cho cát trong sản xuất bê tông, và qua đó đạt được hỗn hợp bê tông có thành phần tương tự, cũng như có các tính chất về độ bền và tuổi thọ tương đương của hỗn hợp bê tông. Tất cả những yêu cầu phức tạp này có thể được thỏa mãn nhờ sử dụng phụ gia siêu dẻo Sika ViscoCrete-10.

Bảng 1 - Độ bền nén của bê tông (Mpa) khi thay thế cát tự nhiên bằng đá dăm nghiền

Cấp độ bền	Độ bền nén (Mpa) theo các tỷ lệ thay thế khác nhau	
	50%	100%
25 Mpa	41	41
30 MPa	43	43
35 Mpa	53	52,5
40 Mpa	62,5	57

Về giá thành, đá mạt rẻ hơn 2 lần so với cát tự nhiên, tiềm năng tiết kiệm chi phí cho 1m³ bê tông như sau:

- cát: 9 EUR/tấn
- đá mạt: 4,5 EUR/tấn
- tiêu tốn: 0,75 tấn /1m³ bê tông
- tiết kiệm: 3,38 EUR/1m³ bê tông
- chất hóa dẻo bổ sung: 1,15 EUR/1m³ bê tông
- tiết kiệm chung: 2,23 EUR/m³ bê tông

Để duy trì tính chất của bê tông tươi và bê tông đóng rắn, cần áp dụng phụ gia siêu dẻo Sika Visco Crete-10.

Một số ví dụ về hiệu quả áp dụng phụ gia Sika ViscoCrete:

Dự án đường hầm Gotthard :

Đường hầm đường sắt Gotthard tại Thụy Sĩ có chiều dài 57 km gồm 2 hầm đơn độc lập, được liên kết với nhau bằng các đường ngang, khoảng cách giữa các đường ngang là 325m. Toàn bộ hệ thống đường hầm - bao gồm cả hầm dẫn và hầm ngang có tổng chiều dài 153,5km. Dự kiến đường hầm được đưa vào sử dụng từ năm 2017.

Do quãng đường vận chuyển bê tông rất dài, loại bê tông dễ đổ cần được bảo quản trong vòng 7 giờ đồng hồ. Theo tiến độ của các thiết bị máy móc trong hầm, cần một loại hỗn hợp bê tông đóng rắn nhanh sau khi đổ. Hơn nữa, bê tông cần chịu được điều kiện thời tiết nóng nực đồng thời không quá “mẫn cảm” với chất độn.

Đường hầm có thời hạn vận hành 100 năm. 3/5 công đoạn xây đường hầm có sự tham gia của Sika ViscoCrete với hơn 5 nghìn tấn phụ gia đã được cung cấp, giúp tối ưu hoá việc thực hiện các yêu cầu cao nhất đối với cả bê tông tươi và bê tông cứng.

Dự án mở rộng tuyến xe điện ngầm ở thành phố Thượng Hải, Trung Quốc:

Dự án hạ tầng này trị giá 13,5 tỷ EUR gồm 300km đường hầm. Thời gian hoàn thành dự án là năm 2010 - vào dịp khai mạc Triển lãm quốc tế ở Thượng Hải. Dự án này là một phần trong Chương trình Quốc gia dài hạn về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm với chiều dài 970km.

Do cần cung cấp liên tục một khối lượng lớn các nguyên vật liệu cho việc xây đường hầm, nhiệm vụ chủ yếu là cần đảm bảo độ bền sớm của bê tông. Bê tông phải đạt được cường độ tối thiểu 22Mpa sau 24 giờ đồng hồ, gồm cả thời gian tạo nhiệt ẩm. Như vậy, thành phần tối ưu của bê tông cũng như việc sử dụng chất hóa dẻo mới đặc biệt cần đáp ứng yêu cầu rút ngắn được thời gian chững hấp bê tông.

Về chất lượng của hỗn hợp bê tông, cần giảm lượng nước đáng kể nhờ phụ gia dẻo nhằm thu được hỗn hợp bê tông dễ đổ cần thiết với tỷ lệ nước/ xi măng là 0,34.

Nhờ áp dụng phụ gia siêu dẻo Sika ViscoCrete-20 HE, các nhà xây dựng đã đạt được tính lưu động cần thiết, và duy trì tính chất này trong vòng 15 phút trong hỗn hợp có độ nhớt thấp với tỷ lệ nước/xi măng là 0,34.

Sika ViscoCrete -20 HE cho phép giảm thời gian chững hấp xuống 1 giờ đồng hồ, do đó sẽ tiết kiệm năng lượng. Chất phụ gia này thích hợp với sự thay đổi các điều kiện sản xuất để duy trì chất lượng ổn định của bê tông.

Dự án Tháp Tự do:

Tháp Tự do là công trình cao chọc trời được xây dựng ngay khu vực Zero Ground – nơi trước đây là toà tháp Trung tâm Thương mại thế giới đã bị đánh sập vào năm 2001 tại New York, Mỹ. Toàn bộ công trình có chiều cao 514m. Trong suốt thời gian xây dựng từ năm 2006 đến 2013, 114 tầng của tháp sẽ được xây với tổng diện tích 250.000m². Toàn bộ khối lượng bê tông sử dụng 230.000 m³, trong đó 190.000 m³ được sử dụng trên công trình trong khoảng thời gian 3 - 4 năm.

Rất nhiều chủng loại bê tông có độ bền cao cần thiết để thực hiện các yêu cầu luôn thay đổi, tùy thuộc vào độ cao tòa tháp. Bê tông đổ trong 5 tầng dưới cùng cần đạt độ bền 96 Mpa. Sau đó, theo chiều cao của tòa tháp độ bền này sẽ giảm lần lượt đến 83, 70 và 60 Mpa. Do sử dụng ván khuôn rất phức tạp nên cần áp dụng bê tông tự đóng rắn với tỷ lệ nước/xi măng rất thấp 0,27 để thu được loại bê tông có độ bền theo yêu cầu.

Công ty Sika đã giải quyết tất cả các yêu cầu đối với hỗn hợp bê tông và bê tông bằng cách áp dụng phụ gia hóa dẻo Sika ViscoCrete -2100. Nhờ phụ gia này, lượng nước có thể giảm khi duy trì tính lưu động cần thiết của hỗn hợp bê tông với tỷ lệ nước/xi măng là 0,27; đồng thời, các nhà xây dựng còn có thể thu được hỗn hợp bê tông có tính lưu động đặc trưng cho độ sụt hình nón 700mm và có khả năng tự bảo quản tới hơn 1 giờ đồng hồ.

I. Srabbak

Nguồn: Tạp chí Xi măng Nga (tháng 7-8/2010)

ND: Lê Minh

Đảng bộ Bộ Xây dựng triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 BCH TW Đảng (khóa XI)

Sáng ngày 27/4/2012 tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Đảng bộ Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị Ban chấp hành mở rộng nhằm triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ IV Ban chấp hành Trung ương khóa XI và kiểm điểm kết quả thực hiện công tác Đảng quý I. Đồng chí Cao Lại Quang - Bí thư Đảng bộ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các đồng chí là ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng, các đồng chí bí thư Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ Xây dựng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cơ quan Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại Hội nghị, Bí thư Đảng bộ - Thứ trưởng Cao Lại Quang đã trình bày dự thảo kế hoạch triển khai, trong đó nêu rõ mục đích, ý nghĩa và những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương IV, đồng thời nhấn mạnh, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương IV - "Một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay" là trách nhiệm của cấp ủy đảng các cấp, của mỗi đảng viên để xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh, phát huy và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Các Đảng bộ, chi bộ trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết phải nghiêm túc, khẩn trương, thận trọng và gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị. Trong công tác phê bình và tự phê bình, mỗi đảng viên, cấp ủy viên, người đứng đầu các Đảng bộ, chi bộ cần kiểm điểm nghiêm túc, chân thành, thẳng thắn theo nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy, đảm bảo hiệu quả.

Thay mặt Ban chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng, đồng chí Nguyễn Hồng Khải - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng đã báo cáo với Hội nghị về kết quả thực hiện công tác Đảng quý I và những nhiệm vụ trọng tâm quý II/2012; phổ biến và xin ý kiến Hội nghị về Dự thảo kế



Đ/c Cao Lại Quang - Bí thư Đảng bộ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị



Chi bộ Trung tâm Thông tin, Chi bộ Cục Quản lý Nhà và thị trường BĐS nhận Cờ thi đua của Đảng ủy khối cơ quan Trung ương

hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương IV của Đảng bộ Bộ Xây dựng, Dự thảo Quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Bộ Xây dựng.

Cũng tại Hội nghị này, đồng chí Nguyễn Hồng Khải đã công bố các quyết định khen thưởng năm 2011 của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương cho 02 đơn vị được tặng Cờ Đảng bộ, Chi bộ trong sạch vững mạnh 05 năm liền là Chi bộ Cục Quản lý Nhà và thị trường Bất động sản, Chi bộ Trung tâm Thông tin; 03 đơn vị được Bằng khen Đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh 03 năm liền gồm Đảng bộ Viện kinh tế, Chi bộ Cục Phát triển đô thị, Chi bộ Ban

quản lý Dự án Bảo tàng lịch sử quốc gia.

Phát biểu kết luận Hội nghị, đồng chí Cao Lại Quang lưu ý các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ Xây dựng, việc quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương IV là một nhiệm vụ chính trị, là đợt sinh hoạt chính trị lớn, Bí thư các

Đảng bộ, Chi bộ phải xây dựng kế hoạch và trực tiếp quán triệt Nghị quyết tại đơn vị theo kế hoạch của Đảng bộ Bộ Xây dựng./.

Minh Tuấn

Hội đồng Nghiệm thu Nhà nước họp nghiệm thu chất lượng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đối với công trình thủy điện ĐăkRTiH

Ngày 3/5/2012, tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng Nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng (HĐNTNN) đã họp nghiệm thu chất lượng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đối với công trình thủy điện ĐăkRTiH, huyện ĐăkRLấp, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông. GS.TSKH Nguyễn Văn Liên - Phó Chủ tịch Hội đồng đã chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp còn có đại diện các Bộ: Công thương, Khoa học & Công nghệ, Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn; lãnh đạo Sở Xây dựng Đăk Nông; đại diện nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát và chủ đầu tư của công trình.

Báo cáo tại cuộc họp, đại diện Chủ đầu tư - Tổng công ty Xây dựng số 1 - Bộ Xây dựng cho biết, Dự án xây dựng công trình thủy điện ĐăkRTiH được khởi công ngày 8/2/2007 và hoàn thành vào ngày 16/12/2011. Quá trình thi công công trình này đã tuân thủ đúng mọi quy định của Nhà nước. Tất cả các hạng mục thi công trong Dự án đều được kiểm tra chất lượng chặt chẽ: các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu, khả năng chịu kéo của các mối hàn thép, cường độ chịu nén của bê tông, độ chặt của đất đá đắp... đều đạt yêu cầu kỹ thuật; các thí nghiệm chuyên ngành trong quá trình lắp đặt thiết bị công nghệ đều do các đơn vị chuyên ngành thực hiện. Công tác quan trắc, tư vấn giám sát thi công tiến hành đúng theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, Nghị định 49/2008/NĐ-CP của Chính phủ, và Thông tư 27/2009/TT-BXD



GS.TSKH Nguyễn Văn Liên - Phó Chủ tịch HĐNTNN phát biểu kết luận cuộc họp

của Bộ Xây dựng. Các hạng mục chính của Dự án như đập chính bậc trên; đập phụ số 1,2,3 bậc trên; kênh nối số 1,2 bậc trên; cửa lấy nước (CLN) và kênh dẫn vào CLN bậc trên; nhà máy bậc trên; đường hầm bậc trên; đập tràn bậc trên và bậc dưới; CLN bậc dưới; đường hầm dẫn nước và đường ống áp lực bậc dưới; tháp điều áp; nhà máy bậc dưới... đều tuân thủ đúng theo thiết kế đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, đủ điều kiện chịu lực, vận hành an toàn.

Tại cuộc họp, đại diện nhà thầu tư vấn giám sát của Dự án đã trình bày báo cáo đánh giá về chất lượng công trình xây dựng được nghiệm thu. Theo đó, các công tác phục vụ cho xây dựng các hạng mục chính của công trình như công tác đắp đá hỗn hợp, công tác đắp cát lọc, công tác đắp dăm lọc, công tác khoan phụt màng chống thấm... (trong phần xây dựng các đập); công tác đào đất đá, công tác bê tông cốt thép, công tác phun bê tông gia cố mái... (trong

phần xây dựng các nhà máy) đều cho kết quả thi công đạt chất lượng.

Trong cuộc họp, các thành viên HĐNTNN cũng đã nghe đại diện tổ chuyên gia báo cáo về chất lượng công trình thủy điện ĐắkRTiê để đưa công trình vào sử dụng. Qua đó, tổ chuyên gia nhất trí với báo cáo đánh giá chất lượng hoàn thành công trình, đánh giá sự nghiêm túc, nỗ lực của chủ đầu tư cũng như các nhà thầu trong nước để hoàn thành một công trình đạt chất lượng. Đồng thời, báo cáo cũng chỉ ra một số tồn tại mà chủ đầu tư cần khắc phục trong thời gian sớm nhất, để đảm bảo quá trình vận hành nhà máy thủy điện được an toàn, mang lại hiệu quả cao về kinh tế - đó là hoàn thiện đường trên các đỉnh đập, hoàn thiện công tác xử lý thấm vai phải đập tràn bậc dưới, đào đủ kích thước thiết kế hồ xói đập tràn bậc dưới...

Sau khi nghe báo cáo của các bên liên quan, các thành viên HĐNTNN đã tiến hành thảo luận và thống nhất về một số kiến nghị:

cần nhanh chóng hoàn thiện chỉnh trang bề mặt đập, vì công trình nhà máy thủy điện ĐắkRTiê sau khi hoàn thành không chỉ có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của thị xã Gia Nghĩa nói riêng, tỉnh Đắk Nông nói chung, mà còn là một cảnh quan đẹp, một tiềm năng lớn của du lịch địa phương. Ngoài ra, các thành viên Hội đồng cũng lưu ý chủ đầu tư có biện pháp chống mối cho đập; theo dõi chất lượng, bảo hành bảo dưỡng trang thiết bị sau khi nghiệm thu công trình, đặc biệt trong trường hợp thay đổi nhà thầu.

Phát biểu kết luận cuộc họp, GS.TS Nguyễn Văn Liên, Phó Chủ tịch HĐNTNN đã bày tỏ sự nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, lưu ý chủ đầu tư nghiêm túc tiếp thu và có kế hoạch thực hiện các công việc hoàn thiện, đảm bảo hoàn tất các công việc trước mùa mưa lũ 2012.

Lệ Minh

Tổng Công ty Viglacera khởi công Dự án nhà ở công nhân giai đoạn II và khánh thành Trung tâm Thể thao và Dịch vụ công cộng tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn

Sáng 5/5/2012, tại Khu Công nghiệp Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, Tổng Công ty Viglacera thuộc Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD) đã tổ chức Lễ Khởi công Dự án nhà ở công nhân giai đoạn II và khánh thành Trung tâm Thể thao và Dịch vụ công cộng phục vụ công nhân. Tham dự buổi Lễ có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, Bí thư tỉnh ủy Bắc Ninh Trần Văn Túy và các đồng chí đại diện lãnh đạo Bộ Xây dựng, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bắc Ninh, huyện Tiên Du, Tập đoàn HUD, lãnh đạo Tổng Công ty Viglacera và các đơn vị thành viên, đại diện lãnh đạo các doanh nghiệp đang đầu tư trong Khu Công nghiệp Tiên Sơn.

Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh có quy mô diện tích 332 ha, được khởi công xây dựng năm 2000, đến nay đã đầu tư đầy đủ các hạng



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

mục hạ tầng kỹ thuật, trạm xử lý nước thải, cảng ICD, trung tâm bưu chính viễn thông... Khu công nghiệp đã đi vào hoạt động ổn định và đã có 121 nhà đầu tư trong và ngoài nước vào thuê đất tại khu công nghiệp với tỷ lệ lấp đầy là 95%,



Quang cảnh Lễ khởi công

tạo việc làm cho 20 ngàn lao động, tạo nguồn thu ngân sách, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Thời gian qua, Tổng công ty Viglacera đã hoàn thành và đưa vào sử dụng Khu nhà ở công nhân giai đoạn I tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, với quy mô 12,3 ngàn m² sàn xây dựng đáp ứng chỗ ở cho gần 2.000 công nhân lao động. Để đáp ứng nhu cầu nhà ở ngày càng cao của công nhân khu công nghiệp, sau một thời gian khẩn trương hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư, Tổng công ty Viglacera tiếp tục khởi công xây dựng Khu nhà ở công nhân giai đoạn II trên diện tích đất 23,5 ngàn m², tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng, 48 ngàn m² sàn xây dựng, đáp ứng chỗ ở cho khoảng 6.000 công nhân, dự kiến hoàn thành tổng thể vào Quý II/2014.

Bên cạnh đó, thực hiện đề án “Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011, với mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa của công nhân ở các khu công nghiệp gắn với xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên, chất lượng, hiệu quả; xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; xây dựng đội ngũ công nhân có nếp sống văn hóa lành mạnh, có tác phong làm việc công nghiệp, năng suất, chất lượng và



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng thăm Trung tâm Thể thao và Dịch vụ công cộng KCN Tiên Sơn

hiệu quả; từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần người lao động, tạo ra một không gian nghỉ ngơi tái sản xuất sức lao động sau những ngày làm việc vất vả, góp phần xây dựng các doanh nghiệp trong khu công nghiệp phát triển ổn định và bền vững, Trung tâm Thể thao, dịch vụ công cộng - Khu công nghiệp Tiên Sơn do Viglacera đầu tư cũng đồng thời được khánh thành và đưa vào sử dụng.

Có thể nói, với việc đầu tư đồng bộ từ khu nhà ở gồm căn hộ, khu sinh hoạt cộng đồng như xem phim, đọc sách, hội họp, cho đến các tiện ích hạ tầng xã hội, dịch vụ công cộng như ANTT, vệ sinh môi trường, khu thể thao và dịch vụ, công viên cây xanh, đã tạo môi trường sống xanh, sạch, đẹp, không gian văn hóa mang tính cộng đồng, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần, đảm bảo cho công nhân Khu công nghiệp Tiên Sơn có cuộc sống ổn định và bền vững.

Mặc dù trong giai đoạn nền kinh tế còn có nhiều khó khăn như hiện nay, việc Viglacera vẫn quyết tâm đầu tư và tạo điều kiện về nơi ăn ở cũng như chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân là một nỗ lực đáng ghi nhận. Các dự án này được triển khai gắn như tách biệt với chính sách lợi nhuận và hoàn toàn trên cơ sở trách nhiệm xã hội, tạo sự cân bằng giữa Nhà đầu tư khu công nghiệp, Doanh nghiệp thuê đất công nghiệp để đầu tư sản xuất kinh doanh và người lao động. Với tư duy của một

Nhà đầu tư tâm huyết và uy tín, tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Viglacera luôn tâm niệm rằng nhà ở cho công nhân là điều kiện thiết yếu để phát triển ổn định nguồn nhân lực cho phát triển sản xuất, đảm bảo người lao động có sức khỏe, có đời sống vật chất, tinh thần ổn định, tạo được sự gắn bó của người lao động với doanh nghiệp, tạo đà cho sự phát triển bền vững của các doanh nghiệp nói riêng cũng như của khu công nghiệp nói chung.

Ông Nguyễn Anh Tuấn – Tổng giám đốc Tổng công ty Viglacera cho biết: “Viglacera với kinh nghiệm sản xuất gần 40 năm, hơn 10 năm nay trở thành nhà đầu tư khu công nghiệp, hiểu rõ hơn ai hết những trăn trở, những khó khăn và những điều kiện thiết yếu dẫn đến thành công và phát triển bền vững. Đa đa số các doanh nghiệp trong nước cũng như quốc tế đều coi vấn đề nhà ở cho nhân viên của mình là vấn đề cốt lõi tạo nên sự gắn bó đối với công việc. Cần phải nhấn mạnh, từ trước tới nay, người dân là thành phần tham gia tích cực nhất trong việc tạo quỹ nhà ở cho công nhân trong các vùng công nghiệp, nhưng vẫn thiếu trầm trọng. Các doanh nghiệp tạo điều kiện nhà ở cũng chỉ dừng lại ở cấp cán bộ cốt lõi hoặc đầu tư hạn chế. Với sự cố vũ, tiếp

sức của các Bộ ngành, Cơ quan địa phương, chúng tôi khẳng định Viglacera có những thế mạnh nội lực phù hợp và thiết thực trong việc tổ chức cùng với doanh nghiệp sử dụng lao động và người lao động nhằm đảm bảo đời sống hạnh phúc để yên tâm công tác, nhờ đó người lao động sẽ tự tin hơn khi nghĩ về một tương lai ổn định”.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, nhà ở là nhu cầu thiết yếu của con người, phát triển nhà ở cùng với các lĩnh vực y tế và giáo dục là điều kiện để phát triển con người toàn diện, phát triển nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng khi tham dự Lễ Khởi công dự án nhà ở công nhân giai đoạn II và khánh thành Trung tâm Thể thao và Dịch vụ công cộng phục vụ công nhân - Sự kiện này khẳng định quyết tâm chính trị của Bộ Xây dựng, tỉnh Bắc Ninh, Tập đoàn HUD và Tổng Công ty Viglacera trong việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Minh Tuấn

Hội nghị triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung

Sáng ngày 4/5/2012, tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị còn có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện chức năng của Bộ Xây dựng;

các Sở Xây dựng các tỉnh thành phía Bắc; đại diện các Hiệp hội, Hội chuyên ngành Xây dựng: Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam, Hiệp hội Bất động sản Việt Nam...

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, cùng với sự phát triển của đất nước thời kỳ hội nhập là sự phát triển của ngành Xây dựng, trong đó nhu cầu về vật liệu xây dựng ngày càng tăng cao. Để đạt



*Thủ tướng Nguyễn Trần Nam phát biểu
khai mạc Hội nghị*

được mục tiêu sản xuất 42 tỷ viên gạch năm 2020, trung bình mỗi năm các cơ sở sản xuất gạch cần khai thác 60 triệu m³ đất sét, tiêu tốn 6 triệu tấn than; đồng thời thải ra tới 17 triệu tấn CO₂ và các loại khí độc hại khác làm ô nhiễm môi trường xung quanh. Để hạn chế những tác động tiêu cực nêu trên, trong những năm gần đây, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo phát triển vật liệu xây không nung (VLXKN) để từng bước thay thế gạch đất sét nung, góp phần bảo vệ an ninh lương thực, tiết kiệm năng lượng, giảm lượng khí thải CO₂; bên cạnh đó, việc sử dụng phế thải của các ngành công nghiệp khác như tro, xỉ, mật đá... để sản xuất VLXKN cũng góp phần giảm một lượng đáng kể các chất thải rắn ra môi trường. Hàng năm, các nhà máy nhiệt điện của nước ta phát thải xấp xỉ 45 triệu tấn tro xỉ; không tận thu lượng tro xỉ này sẽ đồng nghĩa với việc mỗi năm nước ta sẽ mất đi 1 nghìn ha đất để làm bãi chôn; trong khi hiện nay để sản xuất 1 tỷ viên gạch tiêu chuẩn, cần phải khai thác 1,5 triệu m³ đất sét, tương đương 75 ha đất, trong đó chủ yếu là đất nông nghiệp. Do đó, chủ trương tăng cường sử dụng VLXKN của Đảng và Chính phủ hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển chung của các nước trên thế giới và trong khu vực; đồng thời mang lại hiệu quả kinh tế cao nhờ tiêu thụ một lượng lớn chất phế thải từ những ngành công nghiệp khác như nhiệt điện, khai khoáng. Bên cạnh đó, VLXKN lại có ưu điểm lớn về trọng lượng, giúp giảm tải

trọng công trình, đẩy nhanh tiến độ thi công, và có các đặc tính cơ lý rất tốt như tính cách âm cách nhiệt cao.

Theo Thủ tướng Nguyễn Trần Nam, Quyết định 567/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 28/4/2010 về Chương trình phát triển VLXKN đến năm 2020 đã được các cấp, các ngành, các địa phương hưởng ứng tích cực. Tuy nhiên, quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong quản lý đầu tư sản xuất, trong đó có những nguyên nhân khách quan do nền kinh tế nước ta chịu tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, đầu tư công bị cắt giảm (từ 41-42%/năm xuống 31-32%/năm), chính sách tiền tệ bị thắt chặt... và các nguyên nhân chủ quan của ngành sản xuất VLXKN: các dây chuyền sản xuất không chạy hết công suất, đầu tư không đồng bộ, nhà đầu tư còn thiếu kinh nghiệm, trình độ công nhân chưa cao, cũng như sự hiểu biết về sản phẩm VLXKN của người tiêu dùng còn hạn chế... Để khắc phục những khó khăn trên, Bộ Xây dựng đã tham mưu và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg về tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung. Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị này nhằm công bố nội dung của Chỉ thị, đồng thời quán triệt thống nhất nhận thức của các địa phương, các doanh nghiệp trong phạm vi cả nước hướng tới mục tiêu chung là thực hiện triệt để và thắng lợi Chỉ thị của Thủ tướng về việc tăng cường sử dụng VLXKN; hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung trong thời gian tới.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã được nghe công bố toàn văn Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; cùng nhau thảo luận kết quả tình hình 2 năm thực hiện Chương trình phát triển VLXKN theo Quyết định 567/QĐ-TTg và những nội dung chủ yếu trong công tác triển khai Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Xây dựng quy định về đầu tư sản

xuất gạch đất sét nung, và quy định sử dụng VLXKN trong các công trình xây dựng. Qua 2 năm, Bộ Xây dựng đã tổ chức kiểm tra, ban hành các văn bản đôn đốc thực hiện việc xóa bỏ lò thủ công sản xuất gạch đất sét nung; tiến hành soát xét và xây dựng mới tiêu chuẩn cho các loại sản phẩm VLXKN (bê tông bọt, gạch bê tông khí chưng áp, gạch xi măng cốt liệu, vữa xây cho gạch nhẹ), xây dựng hướng dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu cho khối xây sử dụng VLXKN nhẹ, xây dựng định mức kinh tế cho khối xây khi sử dụng VLXKN. Theo đánh giá của các chuyên gia, với 3 chủng loại sản phẩm chính là gạch bê tông nêu trên, cả nước sẽ đạt được và có khả năng vượt mục tiêu của Chương trình đề ra, đó là “ Phát triển sản xuất và sử dụng VLXKN thay thế gạch đất sét nung



Toàn cảnh Hội nghị

đạt tỷ lệ 20 - 25% vào năm 2015”, và “ Tỷ lệ gạch nhẹ trên tổng số VLXKN khoảng 21% vào năm 2015, và 25% vào năm 2020”.

Lệ Minh

Phòng ngừa rủi ro trong các dự án tổng thầu EPC

Cùng với các công trình xây dựng có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật ngày càng cao thì những rủi ro đối với nhà tổng thầu EPC của các công trình đó cũng gia tăng, nhiều nhà tổng thầu EPC mất nhiều công sức để giành được hợp đồng, rất vất vả trong việc nỗ lực hoàn thành dự án nhưng kết quả thu được không đạt mục tiêu kỳ vọng, thậm chí còn bị thiệt hại nghiêm trọng, đồng thời bỏ lỡ những cơ hội khác. Phòng tránh rủi ro trong các dự án EPC là một vấn đề mà mọi nhà tổng thầu EPC đều phải quan tâm đến. Trước khi ký kết các hợp đồng EPC, nhà tổng thầu cần lưu ý một số điểm như sau:

I. Phải lý giải chính xác ý nghĩa cố định của tổng mức giá EPC

Nhiều người cho rằng, hợp đồng EPC là hợp đồng có tổng mức giá cố định, cũng chính là hợp đồng có giá cả bất biến, cho nên hoặc là đánh giá rủi ro dự án quá lớn, dẫn tới báo giá đấu thầu quá cao, hậu quả là không thắng thầu, hoặc là khi ký hợp đồng đơn giản cho rằng tổng mức giá cố định nên từ bỏ quyền thay đổi hợp đồng.

Thực ra, cái gọi là tổng mức giá cố định chỉ là tương đối. Giá công trình xây dựng của dự án EPC quốc tế thông thường dựa vào tích số giữa khối lượng công việc mà chủ công trình mô phỏng với đơn giá; kỳ thực là đơn giá cố định, tổng mức giá công trình thay đổi theo khối lượng công trình trong thực tế; giá đấu thầu dựa trên giá trị vật tư mà nhà thầu cung ứng để thực hiện công trình. Khi chủ công trình thay đổi yêu cầu về công năng, mở rộng phạm vi công việc hoặc đưa ra yêu cầu đặc thù về thiết bị công trình thì giá hợp đồng cũng thay đổi theo. Ngoài ra, dự án EPC thường có thời hạn xây dựng dài, nên chịu ảnh hưởng rất lớn từ biến động giá cả thị trường, khiến cho giá thành thực hiện dự án có thể thay đổi tương đối lớn.

Vì thế, không thể đơn giản cho rằng hợp đồng dự án EPC là hợp đồng có tổng mức giá cố định, từ bỏ điều khoản thay đổi giá cả, phải triệt để nghiên cứu các nhân tố khả năng như chủ công trình thay đổi yêu cầu, vật liệu cơ bản mà chủ đầu tư yêu cầu có sự thay đổi hoặc tăng giá..., xác định rõ chúng trong hợp đồng thông qua các điều khoản thay đổi giá cả hợp đồng.

II. Xác định phụ tùng thiết bị dự phòng kèm theo máy trong hợp đồng thầu chính

Do dự án EPC bao gồm thiết kế và mua nguyên vật liệu, như vậy cũng có nghĩa là khi ký hợp đồng dự án EPC, chưa bắt đầu thiết kế, chủ đầu tư chỉ có thể miêu tả chức năng hạng mục, chưa thể phản ánh rõ ràng quy cách vật liệu, phạm vi mua cụ thể trong hợp đồng. Điều này ẩn chứa mầm mống của những tranh chấp khi thực hiện dự án trong tương lai.

Nhà thầu chính EPC bảo vệ lợi ích của mình ra sao trong điều kiện không xác định, điều quan trọng là điều khoản hợp đồng có trình bày chính xác nghĩa vụ của nhà thầu hay không.

Điểm dễ bị xem nhẹ và cũng dễ nảy sinh ra tranh chấp nhất ở đây là vấn đề phạm vi cung ứng phụ tùng thiết bị dự phòng kèm theo máy. Vì khi ký hợp đồng chưa xác định quy cách, kiểu và nhà máy sản xuất thiết bị, từ đó không thể xác định chính xác tên gọi, số bản vẽ của phụ tùng kèm theo máy. Một số chủ đầu tư căn cứ vào hạng mục mình đã có hoặc tham khảo các hạng mục khác, đưa ra danh sách và số lượng phụ tùng, coi đó là phạm vi cung ứng phụ tùng thuộc hợp đồng. Nhưng sau khi ký hợp đồng EPC, nhà thầu chính phát hiện ra, phụ tùng thiết bị được xác định trong danh mục gọi thầu thiết bị có thể sai lệch tương đối lớn với nội dung hợp đồng EPC, có thể xuất hiện mấy trường hợp sau: Thứ nhất, phụ tùng thiết bị dự phòng chủ đầu tư yêu cầu không thích hợp với thiết bị dùng trong thực tế; thứ hai, trong hợp đồng không liệt kê phụ tùng cần thiết cho thiết bị; thứ ba, số lượng phụ tùng dự phòng liệt kê trong hợp đồng sai lệch tương đối lớn so với nhu cầu thực tế.

Có những nhà thầu EPC ký hợp đồng thầu chính khi chưa cùng với chủ đầu tư xác định chủng loại và số lượng phụ tùng thiết bị dự phòng, tự cho rằng số lượng phụ tùng thiết bị dự phòng kèm theo máy cần phải cung ứng không được chủ đầu tư thừa nhận, mà mình lại không thể chấp nhận số lượng mà chủ đầu tư yêu cầu,

vì vậy trong quá trình thực hiện hợp đồng phải tốn nhiều công sức thương lượng với chủ đầu tư về vấn đề phụ tùng thiết bị, chủ đầu tư thường áp dụng chiến thuật dây dưa, buộc nhà thầu chính EPC phải lo lắng khi thực hiện dự án, bị chủ đầu tư chi phối, nhà thầu chính không thể thu được lợi nhuận thậm chí còn bị thua lỗ ở cả những hạng mục vốn nhiều khả năng có lãi.

Không chỉ những vấn đề về phụ tùng thiết bị dự phòng tương đối phức tạp, nhà thầu EPC cũng phải nghiên cứu về phạm vi, số lượng công cụ chuyên dụng, vật liệu dễ hao tổn... Nếu ký hợp đồng khi không làm rõ vấn đề này, thì sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Tất nhiên, khi ký hợp đồng EPC, rất khó xác định chính xác phụ tùng thiết bị dự phòng, công cụ chuyên dụng và vật liệu dễ hao tổn. Nhưng làm thế nào để đảm bảo lợi ích của cả hai bên trong điều kiện dự án vận hành bình thường, đây là vấn đề đặt ra trước mắt chủ đầu tư và nhà tổng thầu.

Vì vậy, trong điều kiện không thể hoặc rất khó xác định chính xác phụ tùng thiết bị dự phòng, công cụ chuyên dụng và vật liệu dễ hao tổn, biện pháp giải quyết đơn giản nhất của nhà tổng thầu là khi ký hợp đồng chỉ cần chú thích rõ bảo đảm cung ứng miễn phí phụ tùng thiết bị dự phòng cần thiết cho thiết bị vận hành bình thường trong thời gian bảo hành chất lượng, bảo đảm cung ứng miễn phí vật liệu dễ hao tổn trong thời hạn nhất định, bảo đảm cung ứng công cụ chuyên dụng cần thiết cho chủ đầu tư kiểm tra bảo dưỡng duy tu (có thể bao gồm nhu cầu sửa chữa lớn, do hai bên xác định khi ký hợp đồng), nhưng không liệt kê cụ thể danh sách trong hợp đồng EPC.

Phương pháp trên có thể khiến cho chủ đầu tư không hài lòng, vì có những chủ đầu tư hy vọng sẽ giành được nhiều phụ tùng thiết bị hơn thông qua hợp đồng EPC, đưa vào đầu tư xây dựng hạng mục, giảm bớt giá thành vận hành sau này; hoặc chủ đầu tư cho rằng giá cả phụ tùng thiết bị dự phòng thông qua gọi thầu thiết

bị sẽ có lợi cho chủ đầu tư, hy vọng sẽ có được nhiều phụ tùng thiết bị dự phòng với giá đó; hoặc có chủ đầu tư lừa nhà tổng thầu thiếu kinh nghiệm thương mại, sau khi đã xác định tổng mức giá hợp đồng rồi mới gửi cho nhà tổng thầu một bản danh sách phụ tùng thiết bị dự phòng dài lê thê, chi phí mua phụ tùng thiết bị dự phòng theo danh sách thậm chí còn bằng 30% chi phí mua thiết bị, nhằm ép giá nhà thầu.

Có thể nói, chỉ những hợp đồng bảo vệ lợi ích hợp pháp của hai bên mới là hợp đồng tốt nhất, và có thể thực hiện tốt nhất. Muốn vậy, nhà thầu không thể chỉ quan tâm tới giai đoạn xây dựng dự án, mà còn cần phải nghiên cứu chi phí vận hành dự án trong tương lai cho chủ đầu tư. Vì vậy, ở giai đoạn gọi thầu thiết bị, nhà tổng thầu cần phải hết sức quan tâm tới giá cả phụ tùng thiết bị dự phòng, có thể coi giá cả phụ tùng thiết bị dự phòng là một nhân tố chủ yếu của xét thầu, đề phòng bên đấu thầu thiết bị áp dụng biện pháp báo giá không cân đối hạ thấp giá thiết bị, nâng cao giá cả phụ tùng thiết bị dự phòng, khiến cho sau này nhà thầu phải chi một khoản tiền quá lớn để mua phụ tùng thiết bị dự phòng. Tất nhiên, nếu ký hợp đồng thầu phụ thiết bị, chủ đầu tư muốn mua nhiều phụ tùng thiết bị dự phòng, còn có thể giải quyết thông qua phương thức thay đổi phạm vi cung ứng để thay đổi hợp đồng thầu chính hoặc chủ đầu tư ký riêng hợp đồng mua phụ tùng thiết bị với nhà thầu phụ thiết bị.

Đồng thời, còn có thể thông qua hồ sơ thầu phụ thiết bị để định giá cả phụ tùng thiết bị dự phòng cung ứng cho chủ đầu tư.

III. Việc chi trả, ghép nối giữa hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ

Các điều khoản chi trả trong hợp đồng thầu chính EPC tương đối phức tạp. Nếu phân chia theo thời gian, có thể chia quá trình chi trả ra thành các giai đoạn như giai đoạn ứng trước, giai đoạn chi trả trung gian, giai đoạn nghiệm thu tạm thời, giai đoạn kết thúc bảo đảm chất lượng, các khoản chi trả của mỗi một giai đoạn

cần phải phù hợp với điều kiện thanh toán của giai đoạn đó. Đặc biệt là giai đoạn chi trả trung gian, các nội dung xây dựng, cung ứng thiết bị, lắp đặt, bồi dưỡng huấn luyện... càng thêm phức tạp vì chi trả cho những nội dung khác nhau đều có điều kiện riêng. Đồng thời, trừ các khoản ứng trước, mỗi một lần chi trả còn liên quan với sự thay đổi về mức chi do lượng công việc biến động, thay đổi phạm vi công việc, giá cả được điều tiết, khoản tiền phạt.... Tất nhiên, điều này đòi hỏi khi ký hợp đồng, nhà thầu chính phải nắm vững nội dung các điều khoản chi trả, triệt để nghiên cứu rủi ro của khoản chi trả và tiền lãi ứng trước trong tiền hợp đồng. Họ còn phải có năng lực tính toán chính xác các khoản phải trả mỗi lần, thảo ra dự toán chi trả theo tiến độ dự án và kịp thời đưa ra những thay đổi trong hợp đồng và trong tính toán. Nếu không, cho dù hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức nghĩa vụ hợp đồng, nhà thầu chính cũng chưa chắc nhận được các khoản chi trả cần thiết.

Ngoài ra, nhà thầu chính cũng cần phải nghiêm túc nghiên cứu vấn đề chi trả cho nhà thầu phụ theo điều kiện chi trả của chủ đầu tư và dự đoán về lượng tiền vốn. Có nhà thầu tuy đã sớm nhận được khoản chi trả của chủ đầu tư nhưng lại không muốn thanh toán cho nhà thầu phụ, cho rằng thanh toán chậm thì an toàn cho mình và có thể kiếm thêm một chút tiền lãi, nhưng họ không biết rằng nhà thầu phụ đã thông qua biện pháp nâng giá để chuyển toàn bộ tiền lãi và rủi ro của khoản thanh toán chậm sang nhà thầu chính, từ đó nâng giá thành thầu phụ lên rất cao. Cho nên, nhà thầu chính phải tỉnh táo để nhận thức rằng, không nên quá bảo vệ cho lợi ích của mình, xem nhẹ lợi ích nhà thầu phụ. Chỉ có đề ra kế hoạch sử dụng tiền vốn hợp lý, kết hợp hữu cơ khoản chi trả của chủ đầu tư và khoản chi cho nhà thầu phụ, cố gắng giảm bớt số tiền vốn ứng trước của mình, thông qua đối chiếu so sánh kết quả dự đoán của các phương án để xác định điều khoản chi

trả có lợi nhất cho mình, xác định rõ chúng trong điều khoản về việc chi trả trong hồ sơ mời thầu phụ, đó mới là sự lựa chọn tốt nhất.

IV. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng và thời điểm nghiệm thu tạm thời

Hợp đồng thầu chính EPC có yêu cầu khác nhau về thời gian có hiệu lực của giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thông thường coi việc nhận được giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng là điều kiện cho hợp đồng có hiệu lực. Tất nhiên, nếu chủ đầu tư lo nhà thầu chính bỏ hợp đồng vì giá hợp đồng thấp hoặc giá thành tăng cao, chủ đầu tư cũng có thể yêu cầu hợp đồng có hiệu lực ngay sau khi ký, giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng là điều kiện để hợp đồng có hiệu lực. Nhưng dù ký hợp đồng trao giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng một lần hay trao giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo nhiều giai đoạn, thời gian có hiệu lực của giấy bảo lãnh thường kéo dài tới khi thông qua nghiệm thu tạm thời, có khi kết thúc bảo đảm chất lượng. Dù áp dụng phương thức nào, giấy bảo lãnh cũng đều bảo vệ lợi ích của chủ đầu tư. Nhưng vì thời gian có hiệu lực của giấy bảo lãnh thường kéo dài tới khi thông qua nghiệm thu tạm thời, nên khi bắt đầu thời gian bảo đảm chất lượng, nếu nhà thầu chính đưa ra giấy cam đoan bảo đảm chất lượng thay cho giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì sẽ có lợi hơn đối với nhà thầu chính.

Nhà thầu chính phải xác định hợp lý thời gian có hiệu lực của giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng giữa nhà thầu chính EPC và nhà thầu phụ. Vì dự án EPC liên quan đến nhiều nội dung khác nhau như thiết kế, xây dựng, thiết bị, lắp đặt, chỉ riêng mục thiết bị cũng đã chia ra thành tĩnh thái và động thái, có thể giao cho chủ đầu tư theo nhiều giai đoạn. Tất nhiên, trong hợp đồng EPC, nhà thầu chính cùng chủ đầu tư chỉ nói một cách mơ hồ về giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng và nghiệm thu tạm thời hạng mục, ở đây có một vấn đề: hạng mục có nghĩa là toàn bộ công trình không? Toàn bộ dự

án EPC do mấy hạng mục nhỏ cấu thành, có nhiều hạng mục. Ví dụ, công trình bao gồm nhà máy nước, thiết bị..., đã bàn giao trước cho chủ đầu tư khi công trình đang trong giai đoạn thi công, chủ đầu tư cũng hoàn thành nghiệm thu tạm thời. Nếu nhà thầu chính yêu cầu giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng của nhà thầu phụ các hạng mục đã bàn giao cho chủ đầu tư sử dụng phải có thời gian hiệu lực tới khi thông qua nghiệm thu tạm thời toàn bộ công trình hoặc khi kết thúc thời kỳ bảo đảm chất lượng thì rõ ràng nhà thầu phụ không thể đáp ứng. Ngay cả khi nhà thầu phụ đáp ứng, giá thành hạng mục nhỏ cũng bị đội lên rất cao, bất lợi cho nhà thầu chính. Ngoài ra, thời hạn bàn giao thiết bị của dự án EPC được quyết định theo yêu cầu tiến độ lắp ráp, thời gian giao hàng của các nhà thầu phụ thiết bị khác nhau chênh lệch rất nhiều so với tiến độ lắp ráp thiết bị, có khi còn chênh lệch khoảng 2- 3 năm. Vậy, xác định nội dung nghiệm thu tạm thời thiết bị ra sao, hoàn thành lắp đặt chạy thử thiết bị hay hoàn thành nghiệm thu tạm thời công trình? Điều này cũng liên quan đến vấn đề thời gian thanh toán. Tất nhiên, nhà thầu phụ thiết bị hy vọng lấy thời điểm lắp ráp chạy thử thiết bị làm thời điểm nghiệm thu tạm thời hạng mục nhỏ. Nhưng nhà thầu chính hoặc chủ đầu tư đặt việc lắp ráp chạy thử thiết bị vào thời điểm nghiệm thu tạm thời toàn bộ công trình hòng giảm thiểu rủi ro của nhà thầu chính trong thời gian bảo đảm chất lượng toàn bộ công trình, gạt rủi ro đó sang phía nhà thầu phụ thiết bị. Nếu không, trong thời gian bảo đảm chất lượng toàn bộ công trình, khi mà thời gian bảo đảm chất lượng các hạng mục nhỏ kết thúc, ai đứng ra giải quyết và gánh chịu trách nhiệm. Do vậy, xuất hiện hai trường hợp: hoặc nhà thầu phụ thiết bị không chịu, hoặc cho dù nhà thầu phụ thiết bị chịu, nhà thầu chính cũng phải chịu giá thành thầu phụ quá cao.

Trong trường hợp trên, xét trên lập trường các bên, nhà thầu chính và chủ đầu tư đều

đúng. Nhưng giải quyết vấn đề một cách hợp lý như thế nào, nhà thầu chính cần phải nghiên cứu tổng thể khi ký hợp đồng EPC và ký hợp đồng với nhà thầu phụ.

Như vậy, khi ký hợp đồng EPC, các bên cần phải xác định rõ thời điểm nghiệm thu tạm thời là ngày bàn giao hạng mục nhỏ cho chủ đầu tư sử dụng, thời gian bảo đảm chất lượng cũng tính từ đó, hợp đồng thầu phụ cũng căn cứ vào đó để giải quyết. Đồng thời với việc ký hợp đồng thầu phụ thiết bị, nhà thầu chính cũng có thể xác định thời điểm nghiệm thu hạng mục nhỏ là thời điểm lắp ráp chạy thử thiết bị hạng mục nhỏ, nhưng thời gian bảo đảm chất lượng cần kéo dài tới khi kết thúc thời gian bảo đảm chất lượng toàn bộ công trình. Làm như vậy, có thể kéo dài tương đối thời gian bảo đảm chất lượng, nhà thầu phụ có thể nhận được khoản thanh toán ở thời điểm nghiệm thu tạm thời, nhà thầu chính có thể chi trả toàn bộ ở thời điểm nghiệm

thu tạm thời đó. Về thời gian bảo đảm chất lượng, có thể áp dụng phương thức nhà thầu phụ ký giấy bảo đảm chất lượng nhằm giảm bớt rủi ro các khoản chi trả cho nhà thầu phụ, giảm bớt tiền lãi chiếm dụng, hạ thấp giá thành.

Tất nhiên, đối với nhà thầu chính, còn tồn tại nhiều vấn đề khác cần được nghiên cứu trong hợp đồng EPC. Nhưng xét trên tổng thể dự án EPC lớn, một số vấn đề có thể giải quyết thông qua hợp đồng, nhưng vấn đề nêu trên lại gây khó khăn hết sức nghiêm trọng cho nhà thầu chính, tiềm ẩn nhiều rủi ro lớn đối với nhà thầu chính EPC. Vì vậy, không thể xem thường, nhất định phải giải quyết khi ký hợp đồng thầu chính và hợp đồng thầu phụ.

Dương Tú Mai

Nguồn Tạp chí “Xây dựng TQ” số 23/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Các phương án phát triển cho thủ đô Mátxcova mở rộng

Tại Hội thảo diễn ra vào cuối năm 2011 tại thành phố Mátxcova với chủ đề “Mátxcova mở rộng - Các phương án phát triển”, các kiến trúc sư hàng đầu, các nhà thiết kế và các nhà hoạt động xã hội LB Nga đã thảo luận về vấn đề phát triển đô thị ở nước Nga ngày nay kể cả các triển vọng phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực Mátxcova trong điều kiện thủ đô sẽ được mở rộng trên cơ sở sáp nhập thêm một phần đất rộng lớn từ Vùng Mátxcova. Hội thảo diễn ra nhằm chuẩn bị cho một cuộc thi chọn quốc tế về vấn đề Mátxcova mở rộng. Hội thảo do Hội Kiến trúc sư LB Nga phối hợp với chính quyền thành phố Mátxcova và Phân viện Mátxcova thuộc Viện Hàn lâm Kiến trúc quốc tế, tổ chức.

Mục tiêu của cuộc Hội thảo được tổ chức trong khuôn khổ Những ngày hội “Nghệ thuật kiến trúc 2011” diễn ra tại Mátxcova là xác định khung cho các yêu cầu nền tảng và phương pháp áp dụng cho việc thiết kế Mátxcova mở

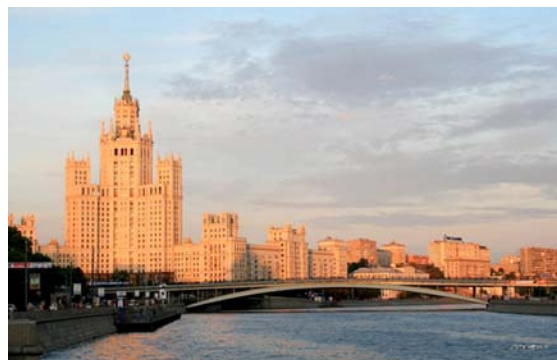
rộng và xem xét các phương án phát triển không gian cho quần thể Mátxcova.

Phát biểu tại Hội thảo Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Nga Andrey Bokov cho rằng thông tin về sự mở rộng Mátxcova là hoàn toàn bất ngờ đối với toàn thể cộng đồng kiến trúc sư. Tuy nhiên A. Bokov cũng thừa nhận về tình trạng đáng quan tâm hiện nay của thành phố đòi hỏi chính quyền Liên bang cũng như thành phố cần phải có hàng loạt những giải pháp lớn mang tính căn bản. Đối với Mátxcova các vấn đề giao thông, sự khủng hoảng trong ngành công trình đô thị và tình trạng nhà ở chưa phù hợp khả năng chi trả của người dân đã gắn kết với nhau thành khối phức tạp. Sau khi giới thiệu kinh nghiệm hay trong phát triển đô thị tại một số thành phố lớn nổi tiếng của khu vực Đông Nam Á, A. Bokov khẳng định thiếu sự tham khảo kinh nghiệm quốc tế sẽ khó có thể bảo đảm sự thành công cho dự án “Mátxcova mở rộng”.

Như chúng ta đã biết, Mátxcova đang là trung tâm của các vấn đề còn chưa giải quyết được, trong đó có những vấn đề như sinh thái, sự quá tải về mật độ xây dựng trong đô thị, tắc nghẽn giao thông và thiếu không gian phù hợp cho các hoạt động công cộng và văn hoá. Hướng di chuyển của các luồng giao thông trung chuyển đã hình thành từ nhiều năm nay cũng gây ra những mối lo ngại thực sự khi mà một phần lớn (đến 60%) khối lượng giao thông trung chuyển của nước Nga được phân bổ tại các điểm trung chuyển giao thông ở nội đô và ngoại thành Mátxcova đến mức ngay cả các hàng hoá được vận chuyển bằng ô tô từ Xanh Pêtécbuia đi về phía Nam nước Nga cũng buộc phải đi qua Mátxcova.

Nguyên nhân của tình trạng nêu trên là do sơ đồ phát triển hệ thống giao thông đường ô tô và đường sắt kiểu đơn tuyến hướng tâm được triển khai trong thế kỷ XX ở Liên Xô trước đây. Lúc đó hầu như tất cả các con đường, tất cả các đường bộ đều hướng về Mátxcova. Do vậy, hiện nay thành phố cần xây dựng xung quanh Mátxcova các điểm trung chuyển mới, các trung tâm phân phối sản phẩm (trung tâm logistic), di dời các nhà kho lớn và các trạm thuế quan ra khỏi nội đô và chuyển ra Vùng Mátxcova, xây dựng thêm các đường ô tô và đường sắt mới. Và cuối cùng là việc cải tạo toàn bộ hệ thống giao thông được phát triển theo khái niệm đơn tuyến hướng tâm cần phải được đầu tư một lượng lớn vốn.

Theo A. Bokov thì “tình hình tại Mátxcova hiện đang rất bức xúc, trong khi thời gian đã hết. Trong 3 - 5 năm tới thành phố cần phải nhận được những kết quả đầu tiên. Song song với các kết quả đó, hệ thống pháp luật và các văn bản pháp quy, hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng cũng cần phải được đổi mới.” Một ví dụ tích cực cho việc đổi mới một cách căn bản các quan điểm kiến trúc trong việc hình thành môi trường đô thị được nêu ra tại Hội thảo là trường hợp thủ đô Astana của Kazácxtan nơi hầu như tất cả các hoạt động cải tạo diễn ra chỉ trong 5 -



Một góc thành phố Matxcova

6 năm. Viện Quy hoạch chung xây dựng Mátxcova đã đề xuất quy hoạch mới cho giao thông Mátxcova mở rộng. Quy hoạch này cần được đưa ra thảo luận và lấy ý kiến đóng góp. Quy hoạch nêu ra việc xây dựng các đường dây cung mà một trong số đó có chức năng kết nối 3 sân bay ở Mátxcova. Những con đường đi xuyên kiểu như vậy sẽ trở thành các hành lang giao thông đặc biệt quan trọng làm cơ sở cho sự hình thành các điểm nút thu hút các loại hoạt động khác nhau. Các đường dây cung có hướng vuông góc với hành lang nêu trên sẽ có khả năng kết nối trung tâm lịch sử của thủ đô với các khu vực mới được mở rộng.

Về khái niệm “Mátxcova mở rộng” và việc nhanh chóng khai thác các khu vực đất trống mới, ông A. Bokov cho biết: “không nên đề cập đến việc phá dỡ bất cứ công trình kết cấu hạ tầng nào ở trong Vùng Mátxcova và việc nhanh chóng triển khai khai thác các khu vực đất còn để trống cần được thực hiện đồng thời với cải thiện điều kiện vệ sinh tại các khu vực dân cư hiện có, xác định trong số đó các khu dân cư đang có các điều kiện sống không thuận lợi, bảo tồn ở mức cao nhất các khu dân cư có các điều kiện sống thuận lợi, các khu dân cư đang hình thành. Thành phố cần phải xây dựng các mối quan hệ với cộng đồng dân cư địa phương, phát triển ý thức cộng đồng. Sự tổ chức một cách hợp lý và hiệu quả quá trình thông qua các giải pháp xây dựng đô thị đúng đắn phụ thuộc rất nhiều vào mức độ tham gia của cộng đồng dân cư địa phương trong các quá trình nêu trên”.

Theo ý kiến của nhiều đại biểu sự hiện diện của Chính phủ và Tổng thống LB Nga tại trung tâm của thủ đô Mátxcova trong Điện Kremlin thúc đẩy sự ổn định của tình hình chính trị và của chính quyền. Việc thành phố Mátxcova thực hiện các chức năng là thủ đô không đơn thuần là một yếu tố thể hiện ý nghĩa của bộ máy hành chính của LB Nga ngày nay mà phần nào đó còn là “yếu tố mang tính trang trọng” của lịch sử nước Nga. Từ đó có thể kết luận rằng ý tưởng chuyển thủ đô nước Nga đến vùng Ural hoặc Prymorie, vùng Amur là không phù hợp.

Có đại biểu cho rằng vào thời gian đầu khi bắt đầu khai thác các vùng đất mới, chính quyền thủ đô có thể gặp phải những khó khăn không lường trước được về mặt pháp lý. Một trong các khó khăn đó là phần lớn các khu vực đất đai của Vùng Mátxcova mà nay được sáp nhập vào thủ đô đều đang thuộc sở hữu tư nhân và đang được sử dụng với các mục đích rất khác nhau.

Có thể thấy rằng chi phí cho việc thực hiện các đề xuất mở rộng Mátxcova không phải là nhỏ, trong khi đó rõ ràng là ngân sách của thành phố Mátxcova không đủ khả năng cung cấp những khoản chi phí đó nhất là trong tình trạng hiện nay.

Các kiến trúc sư cũng đã nêu ra những nội dung còn chưa được đề cập trong các phương án sáp nhập các khu đất mới vào thành phố Mátxcova. Theo đó tại các khu đất mới được sáp nhập và thành phố Mátxcova hiện đang không có đủ các nguồn cung cấp nước, cả nước sinh hoạt và nước cho các mục đích kỹ thuật.

Điều đó sẽ gây khó khăn cho việc thực hiện các quy hoạch xây dựng nhà ở tại các khu vực này. Lĩnh vực cấp năng lượng cũng gặp phải vấn đề tương tự. Ngay việc cấp điện cho các khu dân cư hiện có cũng đang gặp khó khăn do thiếu điện và một khi phụ tải điện tăng lên thì hệ thống cung cấp năng lượng sẽ không đủ khả năng đáp ứng. Do vậy, tại các khu vực mở rộng sẽ cần phải xây dựng các nhà máy nhiệt điện, các trạm biến áp, trạm thu nước, lắp đặt hàng chục thậm chí hàng trăm kilômét đường dây tải điện, đường ống cấp nhiệt, các công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng mới đường sá, cầu và các nút giao thông,...

Các ý kiến phát biểu cũng cho thấy Sơ đồ phát triển Mátxcova mở rộng còn chưa được gắn kết với sơ đồ hệ thống giao thông đường sắt hiện có của khu vực Mátxcova. Các tuyến đường sắt đã được xây dựng từ trước xung quanh Mátxcova khó có thể thích hợp cho sơ đồ mở rộng Mátxcova do đó khó hình dung được hệ thống giao thông của Mátxcova mở rộng sẽ như thế nào. Vấn đề đặt ra là làm thế nào vượt qua được những khó khăn đó? Ai sẽ cung cấp kinh phí cho việc khắc phục các vấn đề nêu trên? Trong khi các nhà đầu tư tư nhân lớn ở nước Nga - các tập đoàn lớn của Nga rõ ràng là không đủ khả năng cấp vốn cho việc vượt qua những khó khăn này. Vì vậy, mọi hy vọng đều hướng vào Nhà nước.

Boris Glebov

Nguồn: Báo Xây dựng Nga, số 42/2011

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

Một số nguyên tắc về quản lý và giám sát hiện trường thi công xây dựng

1. Nguyên tắc cơ bản trong tối ưu hóa quản lý hiện trường

1.1 Nguyên tắc khoa học hợp lý

Các công việc tại hiện trường thi công đều nên tiến hành theo nguyên tắc khoa học và hợp lý, thực hiện quản lý hiện trường khoa học hóa,

phù hợp với yêu cầu khách quan của sản xuất lớn hiện đại hóa. Ngoài ra, cần thực hiện quy trình tác nghiệp và phương pháp thao tác hợp lý, tận dụng hiệu quả tài nguyên, thiết lập hiện trường an toàn, phát huy đầy đủ sự thông minh tài trí của nhân viên thi công tại hiện trường.

1.2 Nguyên tắc hiệu quả kinh tế

Việc quản lý hiện trường thi công phải khắc phục vấn đề chỉ tập trung vào tiến độ và chất lượng mà không tính đến chi phí và thị trường, từ đó hình thành quan niệm sản xuất và quan niệm tiến độ đơn thuần. Bộ phận dự án nên tập trung vào các phương diện như giảm chi phí, mở rộng thị trường..., đồng thời cần tính toán kỹ lưỡng các yếu tố của sản xuất kinh doanh, kiên trì phương châm đầu tư ít, hiệu quả cao, ngăn chặn chi tiêu lãng phí và bất hợp lý.

1.3 Nguyên tắc tiêu chuẩn hóa, quy phạm hóa

Tiêu chuẩn hóa, quy phạm hóa là yêu cầu quản lý cơ bản nhất đối với hiện trường thi công. Trên thực tế, để tiến hành hoạt động thi công một cách hài hòa có hiệu quả, các yếu tố của hiện trường thi công đều phải tuân theo một tiêu chí thống nhất, khắc phục tính tùy tiện chủ quan. Chỉ có như vậy, mới có thể nâng cao căn bản hiệu quả sản xuất, hiệu suất công việc và hiệu quả quản lý, từ đó thiết lập nên trật tự tác nghiệp hiện trường khoa học và quy phạm.

2. Nội dung chủ yếu trong tối ưu hóa quản lý hiện trường thi công

Việc quản lý hiện trường thi công đề cập đến rất nhiều phương diện, nội dung chủ yếu cần tối ưu hóa bao gồm quản lý tác nghiệp thi công, quản lý lưu thông vật tư, quản lý chất lượng thi công và quản lý chính thể hiện trường. Về thực thi cụ thể: Thứ nhất, lấy thị trường làm phương hướng chỉ đạo, cung cấp những sản phẩm xây dựng hài lòng nhất cho người sử dụng, hoàn thành toàn diện mọi nhiệm vụ sản xuất; Thứ hai, triệt để loại trừ các hiện tượng lãng phí trong sản xuất thi công, tổ chức tác nghiệp một cách khoa học, hợp lý, thực hiện sản xuất kinh doanh với hiệu suất và hiệu quả cao; Thứ ba, tối ưu hóa nguồn nhân lực, không ngừng nâng cao tố chất tư tưởng và tố chất kỹ thuật của toàn bộ nhân viên; Thứ tư, tăng cường quản lý định mức, giảm hao phí vật tư và hao phí năng lượng, giảm thiểu hiện tượng chiếm dụng vật

liệu, không ngừng giảm bớt giá thành; Thứ năm, tối ưu hóa tác nghiệp hiện trường, phát huy hiệu quả quản lý tổng hợp, kiểm soát một cách hiệu quả đầu tư hiện trường, cố gắng đầu tư ít nhất để đem lại hiệu quả sản xuất cao nhất; Thứ sáu, tổ chức thực hiện thi công một cách đồng đều, thực hiện quản lý tác nghiệp tiêu chuẩn hóa; Thứ bảy, tăng cường công tác kiểm tra để hiện trường thi công luôn trong trạng thái trật tự bình thường; Thứ tám, thi công văn minh, đảm bảo sản xuất an toàn và tác nghiệp văn minh.

3. Con đường chủ yếu trong quản lý hiện trường

3.1. Xây dựng chế độ quản lý hiện trường thi công an toàn

Xây dựng chế độ quản lý hiện trường thi công, thực hành chế độ cam kết trách nhiệm: Xác định rõ nội dung cam kết, tiêu chuẩn công việc và trách nhiệm khi vi phạm cam kết của các cơ quan chức năng quản lý, thực hành phân chia nhiệm vụ và trách nhiệm, cùng đảm nhận trách nhiệm, hình thành chuỗi hệ thống trách nhiệm với từng khâu, từng tầng, kết hợp hiện trường thi công và đặc điểm cam kết, xây dựng chế độ quản lý doanh nghiệp vừa chặt chẽ lại dễ dàng thao tác, có thể định ra chỉ tiêu lượng hóa và đề ra tiêu chuẩn kiểm tra, hoàn thiện chế độ trách nhiệm quản lý hiện trường thi công, tạo điều kiện đánh giá tổng hợp hiện trường thi công, tích cực thúc đẩy sự phát triển của công tác đánh giá việc quản lý hiện trường thi công.

3.2. Tăng cường đào tạo, nâng cao tố chất kỹ thuật nghiệp vụ nhân viên

Bắt đầu từ giáo dục tư tưởng, nắm chắc việc đào tạo tố chất nghiệp vụ kỹ thuật của nhân viên, nâng cao ý thức quản lý của nhân viên. Sử dụng biện pháp mạnh mẽ, khuyến khích nhân tài, nâng cao nhận thức về tính quan trọng của quản lý hiện trường thi công. Tăng cường xây dựng các tổ đội, làm tốt quản lý dân chủ trong tổ đội, tăng cơ hội tham dự quản lý hiện trường

thi công cho nhân viên, không ngừng hoàn thiện cơ chế kích lệ.

3.3. Tìm kiếm quy luật và phương thức của công tác quản lý hiện trường thi công

(1) Nắm chắc quản lý hiện trường thi công, lựa chọn tốt giám đốc hạng mục.

Quản lý doanh nghiệp cần dựa vào nhân viên quản lý để hoàn thành, giám đốc hạng mục là nhân vật quan trọng trong quản lý công trình, là nhân tài mang tính phức hợp trong quản lý kinh tế kỹ thuật. Về một khía cạnh ý nghĩa nhất định mà nói, có giám đốc hạng mục có thẩm quyền rồi mới có những công trình có chất lượng tốt. Giám đốc hạng mục phải có năng lực về ứng biến, điều phối và giao tiếp xã hội, sự cao thấp trong năng lực tổng hợp sẽ liên quan trực tiếp đến việc đảm bảo chất lượng của công trình, sự thi công văn minh an toàn, hiệu quả kinh tế và uy tín xã hội. Vì vậy, lựa chọn tốt giám đốc hạng mục là một vấn đề rất quan trọng trong công tác quản lý hiện trường thi công.

(2) Làm tốt công tác quản lý hiện trường thi công là khâu quan trọng để doanh nghiệp thi công có thể nắm bắt tốt chất lượng công trình.

Giai đoạn thi công xây dựng công trình là giai đoạn thực hiện đồ án thiết kế vào thực tế. Làm tốt công tác quản lý giám sát hiện trường thi công là sự bảo đảm có hiệu quả đối với việc xử lý kịp thời, hài hòa các mâu thuẫn và các vấn đề phát sinh khi tổ chức thi công theo quy trình quy phạm nhà nước để đạt đến tiêu chuẩn chất lượng trong xây dựng công trình. Thứ nhất, phải nâng cao nhận thức, thống nhất tư tưởng theo tinh thần chịu trách nhiệm đối với nhân dân và xã hội, tăng cường quản lý hiện trường thi công, loại trừ các vấn đề về chất lượng công trình và các sản phẩm xây dựng không đạt chuẩn, kiên trì đi theo con đường chất lượng để phát triển doanh nghiệp; Thứ hai, kết hợp kiểm soát trước sau các công tác, lấy việc kiểm soát ban đầu là chính, phối hợp chặt chẽ với các tổ đội, không sử dụng các vật liệu và các cấu kiện không đạt chuẩn, không sử dụng nhân viên chưa qua đào tạo, không thi công với các biện

pháp không bảo đảm chất lượng, nắm chắc các khâu và các vị trí quan trọng, loại trừ các hiểm họa có thể phát sinh khi còn đang ở giai đoạn manh nha; Thứ ba, kết hợp kiểm tra định kỳ và kiểm tra không định kỳ, chủ yếu là kiểm tra phân đoạn không định kỳ trên cơ sở tiến hành kiểm tra phân đoạn đối với nền móng và kết cấu chủ thể của công trình; Thứ tư, quản lý chặt chẽ hiện trường thi công, đưa tư tưởng “chất lượng là sinh mệnh của doanh nghiệp” xuyên suốt toàn bộ quá trình quản lý hiện trường thi công.

(3) Kiên trì tiêu chuẩn nghiệm thu hiện trường thi công, kiểm soát nghiêm chất lượng công trình.

Chất lượng công trình là vấn đề nóng hổi được đông đảo quần chúng hết sức quan tâm, nó liên quan trực tiếp tới sự an cư lạc nghiệp của nhân dân, nó không chỉ là vấn đề về kỹ thuật và kinh tế mà còn là vấn đề về xã hội và chính trị vì các vụ việc nghiêm trọng về chất lượng cũng gây ra các nhân tố bất ổn định trong xã hội. Cho nên, kiên trì tiêu chuẩn nghiệm thu hiện trường thi công, kiểm soát nghiêm chất lượng công trình là sự bảo đảm đối với việc quản lý hiện trường thi công quy phạm.

(4) Tăng cường quản lý hiện trường thi công, làm tốt công tác chứng thực hiện trường.

Đây là nội dung quan trọng mà các doanh nghiệp thi công và đơn vị xây dựng không thể xem nhẹ. Nếu không tăng cường kiểm soát, nhiều vấn đề tồn tại sẽ xảy ra trong toàn quá trình quản lý định giá công trình.

(5) Xây dựng hiện trường thi công văn minh an toàn.

Tích cực triển khai công tác giáo dục đào tạo cho nhân viên, phổ cập toàn diện kiến thức, nâng cao năng lực phòng chống sự cố.

(6) Sử dụng biện pháp thưởng phạt, thúc đẩy triển khai công tác quản lý hiện trường thi công.

Ngoài việc coi trọng về mặt tư tưởng, nắm chắc về mặt kỹ thuật, yêu cầu nghiêm về mặt quản lý, nên sử dụng các biện pháp kinh tế cần

thiết, hình thức thưởng phạt cũng là một biện pháp không thể thiếu.

4. Xây dựng hệ thống giám sát chất lượng có hiệu quả

Để quán triệt thực hiện toàn diện một loạt các tiêu chuẩn xây dựng công trình mang tính bắt buộc và các quy định của pháp luật như “Điều lệ quản lý chất lượng công trình xây dựng” ..., cơ cấu giám sát chất lượng công trình cần căn cứ theo các yêu cầu không ngừng phát triển về chất lượng công trình, tăng cường cải cách cơ cấu giám sát chất lượng công trình, kiện toàn cơ chế thực thi pháp luật, xây dựng mô hình mới về quản lý và giám sát chất lượng công trình.

- Nâng cao tính minh bạch của việc giám sát và thực thi pháp luật.

- Xây dựng cơ chế giám sát tập thể, bảo đảm tính chuẩn xác, tính công bằng trong giám sát và thực thi pháp luật.

- Xây dựng mô hình giám sát chất lượng mang tính dự kiến và phục vụ, kết hợp hữu cơ phục vụ và thi hành pháp luật.

- Xây dựng cơ chế vận hành giám sát coi trọng đồng thời giám sát hành vi và giám sát thực thể, thực hiện đi từ giám sát thực thể đơn nhất tới giám sát mọi phương diện chất lượng xây dựng công trình.

Nguồn: www.ccd.com.cn

ND: Kim Nhạn

**Hội nghị triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg
của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng
vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất,
sử dụng gạch đất sét nung**

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2012



Thủ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị